

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : **Trịnh Thị Lan Anh**  
Giảng viên hướng dẫn: **PGS, TS Trịnh Văn Vinh**

**HẢI PHÒNG – 2011**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

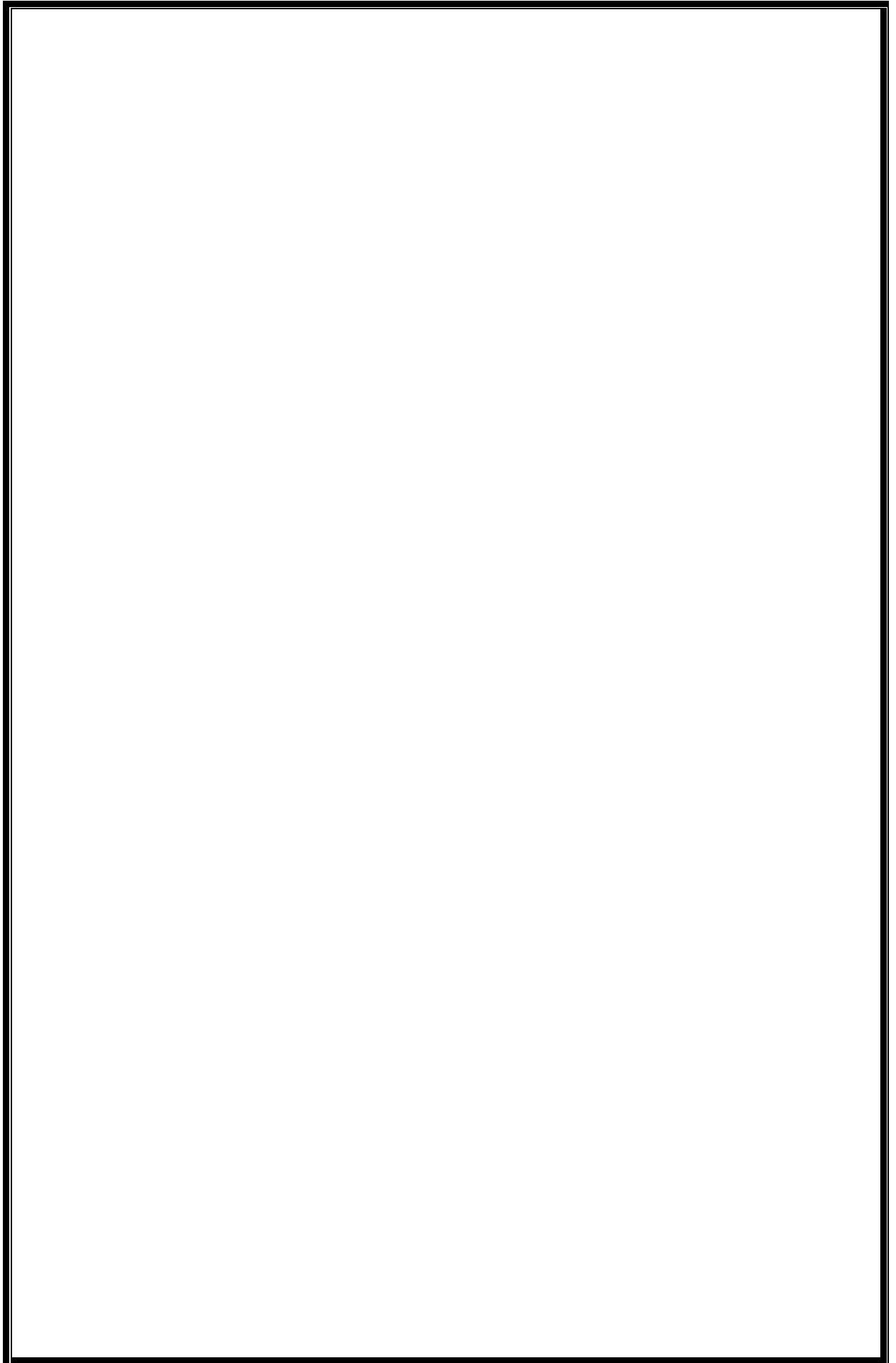
-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN  
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA  
THIỆU NIÊN TIỀN PHONG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trịnh Thị Lan Anh  
Giảng viên hướng dẫn : PGS, TS Thịnh Văn Vinh**

**HẢI PHÒNG - 2011**



## **NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Trịnh Thị Lan Anh

Mã SV: 110161

Lớp: QT 1103 K

Ngành: Kế toán – Kiểm

toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong

## **NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI**

### **1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp**

**(Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).**

- Khái quát hóa được vấn đề lý luận cơ bản về công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.
- Phản ánh được thực trạng công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong.
- Đánh giá được ưu, nhược điểm của công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong.
- 

### **2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.**

Sử dụng số liệu kế toán của công ty năm 2010

### **3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.**

Công ty Cổ Phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong.

**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: *Thịnh Văn Vinh*

Học hàm, học vị: *PGS, Tiến sỹ*

Cơ quan công tác: *Trường Học viện tài chính*

Nội dung hướng dẫn: *Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán Nguyên vật liệu tại Công ty Cổ Phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong*

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

PGS, TS Thịnh Văn Vinh

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2011*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị**

### MỞ ĐẦU

#### 1. Sự cần thiết của đề tài.

Sự đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đòi hỏi nền tài chính quốc gia phải được tiếp tục đổi mới một cách toàn diện, nhằm tạo ra sự ổn định của môi trường kinh tế. Tổng thể các nội dung và giải pháp tiền tệ, tài chính, không chỉ có nhiệm vụ khai thác nguồn lực tài chính, tăng Thu nhập, tăng trưởng kinh tế, mà còn phải quản lý và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực. Đặc biệt trong điều kiện hiện nay nước ta là thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới (WTO), để có sự tồn tại và phát triển các doanh nghiệp phải cạnh tranh không chỉ với các doanh nghiệp nước ngoài mà phải cạnh tranh ngay cả với các doanh nghiệp trong nước. Để thực hiện được điều đó, mỗi doanh nghiệp không ngừng đổi mới, hoàn thiện bộ máy quản lý, bộ máy kế toán, cải tiến cơ sở vật chất kỹ thuật, đầu tư cho việc áp dụng cho tiến bộ khoa học công nghệ và nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ công nhân viên.

Mục tiêu hàng đầu của các doanh nghiệp là đạt mức lợi nhuận tối đa với mức chi phí tối thiểu, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp sản xuất thì chi phí sản xuất sản phẩm luôn là mối quan tâm hàng đầu. Tiết kiệm chi phí sản xuất luôn được coi là một trong những chìa khóa của sự tăng trưởng và phát triển. Để làm được điều này các doanh nghiệp cần phải quan tâm đến yếu tố đầu vào, trong đó chi phí nguyên vật liệu là yếu tố chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất. Nguyên vật liệu là một bộ phận quan trọng của hàng tồn kho, nó phản ánh tình hình sản xuất của doanh nghiệp có được tiến hành bình thường không, kế hoạch thu mua và dự trữ nguyên vật liệu của doanh nghiệp có hợp lý không. Bên cạnh đó sự biến động của nguyên vật liệu ảnh hưởng tới giá thành sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp, điều này thể hiện ở chỗ nguyên vật liệu là đối tượng cấu thành nên thực thể sản phẩm cho nên tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu là biện pháp hữu hiệu để giảm giá thành và tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Thành lập năm 1960 Nhà máy nhựa Thiều niên Tiên Phong sau này chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên phong. Ngành nghề

kinh doanh chính là sản xuất nhựa dân dụng và công nghiệp. Sản phẩm của Công ty đa dạng và phong phú về chủng loại và kích cỡ do đó nguyên vật liệu của Công ty chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Chính những đặc điểm trên đã khiến cho công tác quản lý và phản ánh tình hình biến động nguyên vật liệu tại Công ty gặp một số khó khăn. Trong quá trình hạch toán kế toán, Công ty luôn tìm mọi biện pháp cải tiến, đổi mới cho phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên cũng không tránh khỏi những khó khăn vướng mắc đòi hỏi tìm ra biện pháp hoàn thiện.

### **2. Mục đích nghiên cứu.**

Xuất phát từ nhận thức trên sau một thời gian thực tập tại phòng tài chính kế toán của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong em nhận thấy tầm quan trọng to lớn của nguyên vật liệu đối với sản xuất cũng như ý nghĩa của việc thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng nguyên vật liệu đối với hiệu quả sản xuất kinh doanh. Được sự hướng dẫn của thầy giáo -PGS, Tiến sĩ Thịnh Văn Vinh và các cán bộ của phòng kế toán Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong em mạnh dạn đi sâu vào tìm hiểu, nghiên cứu và chọn đề tài ***“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong”***. Cho luận văn tốt nghiệp của mình. Với mục đích:

- Nghiên cứu làm rõ lý luận về kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất nói chung.

- Nghiên cứu làm rõ thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong. Đồng thời vận dụng lý luận học tại trường kết hợp với thực tế công tác kế toán tại Công ty mong tìm ra những biện pháp nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nguyên vật liệu của Công ty.

### **3. Đối tượng nghiên cứu.**

• Đối tượng nghiên cứu: Lý luận về kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp nói chung.

• Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu, hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu trong phạm vi Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong.



#### 4. Phương pháp nghiên cứu.

Sử dụng phương pháp duy vật biện chứng với cách phân tích từ lý luận đến thực tiễn kết hợp với quan sát, so sánh từ đó tổng hợp, cân đối rút ra nhận xét, kết luận về đối tượng nghiên cứu.

#### 5. Nội dung kết cấu.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, kết cấu luận văn của em được chia làm 3 chương:

*Chương 1: Lý luận chung về công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.*

*Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong.*

*Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu ở Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong*

Mặc dù bản thân đã rất cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu, song do thời gian có hạn và còn hạn chế về mặt lý luận cũng như kinh nghiệm thực tế nên bài khóa luận của em còn những thiếu sót về mặt nội dung và hình thức. Em mong được sự góp ý của thầy cô và các cô bác, anh chị kế toán ở Công ty cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong để em sửa chữa, bổ sung, hoàn thiện bài khóa luận này và nâng cao kiến thức cho bản thân em nhằm phục vụ tốt cho quá trình công tác thực tế sau này.

*Em xin chân thành cảm ơn những ý kiến đóng góp!*

Sinh viên thực hiện.

Trịnh Thị Lan Anh

## CHƯƠNG 1:

# LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

### **1.1 Những vấn đề chung về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp:**

#### **1.1.1 Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu.**

##### *1.1.1.1. Khái niệm:*

Theo chuẩn mực kế toán số 02 thì hàng tồn kho là những tài sản:

- Được giữ để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường
- Đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang
- Nguyên vật liệu để sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

Nguyên vật liệu là: một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản xuất sản phẩm.

##### *1.1.1.2. Đặc điểm:*

Nguyên vật liệu là đối tượng Lao động mua ngoài hoặc tự chế biến cần thiết trong quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp mang những đặc điểm sau:

- Tham gia vào một Chu kỳ sản xuất chế tạo sản phẩm và cung cấp dịch vụ.
- Khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên vật liệu thay đổi hoàn toàn hình thái vật chất ban đầu và giá trị được chuyển toàn bộ, một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Thông thường trong cấu tạo của giá thành sản phẩm thì chi phí về nguyên liệu chiếm tỷ trọng khá lớn nên việc sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích và đúng kế hoạch nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ thấp giá thành sản phẩm và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh.

#### **1.1.2. Vị trí, vai trò của nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh.**

Nguyên vật liệu chiếm vị trí hết sức quan trọng bởi nó là đối tượng lao động và là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở vật

chất cấu thành nên thực thể sản phẩm. Đối với doanh nghiệp sản xuất thì chi phí nguyên vật liệu là đối tượng không thể thiếu, nó giữ vai trò quyết định trong quá trình sản xuất sản phẩm. Chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số chi phí sản xuất sản phẩm và có ảnh hưởng không nhỏ tới sự biến động của giá thành.

Do vậy tăng cường công tác quản lý, công tác kế toán nguyên vật liệu nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả tiết kiệm nguyên vật liệu hạ thấp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có ý nghĩa quan trọng trong các doanh nghiệp nói chung.

### **1.1.3. Yêu cầu của công tác quản lý NVL trong doanh nghiệp.**

Bất cứ một nền kinh tế nào cũng chịu sự tác động của hai quy luật: Quy luật khan hiếm tài nguyên và quy luật nhu cầu không ngừng tăng lên, từ hai quy luật đó dẫn đến sự tồn tại của quy luật sử dụng tiết kiệm, hợp lý nguồn nguyên vật liệu. Trong nền kinh tế sản xuất hàng hoá việc sử dụng hợp lý và tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu là một yêu cầu tối ưu hoá quá trình sử dụng nguyên vật liệu nhằm đạt được những hiệu quả kinh tế cao nhất. Thực chất của nó là sử dụng đúng công dụng, mục đích, đảm bảo đúng định mức tiêu hao vật liệu cho từng chi tiết, sản phẩm tránh mất mát, hao hụt, giảm tới mức thấp nhất phế liệu, phế phẩm đồng thời tổ chức công tác tận thu phế liệu. Để làm được điều đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải quản lý tốt từ khâu thu mua, bảo quản sử dụng và dự trữ nguyên vật liệu.

*Ở khâu thu mua:* Quá trình thu mua phải đáp ứng đủ số lượng, đúng chủng loại phẩm chất tốt, giá cả hợp lý, giảm thiểu hao hụt và tìm nguồn thu mua phù hợp. Đồng thời phải quan tâm đến chi phí thu mua nhằm hạ thấp chi phí vật liệu một cách tối đa.

*Ở khâu bảo quản:* Doanh nghiệp cần phải xác định mức dự trữ tối đa, dự trữ tối thiểu để cho quá trình sản xuất kinh doanh không bị ngưng trệ, gián đoạn do cung cấp không kịp thời hoặc ứ đọng vốn do dự trữ quá nhiều.

*Ở khâu sử dụng:* Doanh nghiệp cần phải sử dụng nguyên vật liệu đúng mục đích, thông dụng, tiết kiệm, hạ thấp mức tiêu hao, không ngừng tìm kiếm vật liệu mới thay thế, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất vì

những tiến bộ khoa học kỹ thuật cho phép ta luôn có những vật liệu mới thay thế, có tính năng ưu việt hơn so với những vật liệu cũ nhưng vẫn đảm bảo chất lượng tốt. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng thu nhập và tích lũy cho doanh nghiệp. Vì vậy tình hình xuất dùng và sử dụng NVL trong sản xuất kinh doanh cần phải được phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời.

### **1.1.4. Nhiệm vụ, thủ tục quản lý nhập - xuất kho nguyên vật liệu và các chứng từ kế toán liên quan.**

#### *1.1.4.1. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu:*

Để phát huy vai trò, chức năng của kế toán trong công tác quản lý nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp, kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ cơ bản sau:

- Phản ánh chính xác kịp thời và kiểm tra chặt chẽ tình hình cung cấp nguyên vật liệu trên các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại và thời gian cung cấp.

- Tính toán và phân bổ chính xác kịp thời giá trị nguyên vật liệu xuất dùng cho các đối tượng khác nhau, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện định mức tiêu hao vật tư, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những trường hợp sử dụng vật tư sai mục đích, lãng phí.

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện định mức dự trữ vật tư, phát hiện kịp thời các loại ứ đọng kém phẩm chất, chưa cần dùng và có biện pháp giải phóng để thu hồi vốn nhanh chóng hạn chế các thiệt hại

- Thực hiện việc kiểm kê vật liệu theo yêu cầu quản lý, lập các báo cáo về vật liệu, tham gia công tác phân tích việc thực hiện kế hoạch thu mua dự trữ sử dụng vật liệu.

#### *1.1.4.2. Thủ tục quản lý nhập - xuất kho nguyên vật liệu và các chứng từ kế toán liên quan:*

##### *- Thủ tục nhập kho:*

Căn cứ vào giấy báo nhận hàng, nếu xét thấy cần thiết khi hàng về đến nơi, có thể lập ban kiểm nhận vật tư thu mua cả về số lượng, chất lượng, quy

cách. Ban kiểm nhận căn cứ vào kết quả thực tế ghi vào biên bản kiểm nghiệm vật tư. Sau đó, bộ phận cung ứng sẽ lập phiếu nhập kho vật tư trên cơ sở hoá đơn, giấy báo nhận hàng và biên bản kiểm nhận rồi giao cho thủ kho. Thủ kho sẽ ghi số vật liệu thực nhập vào phiếu nhập và thẻ kho rồi chuyển lên phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ. Trường hợp phát hiện thiếu, thừa, sai quy cách phẩm chất, thủ kho phải báo cáo cho cán bộ cung ứng biết và từng người giao lập biên bản.

*- Thủ tục xuất kho:*

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất, các bộ phận sản xuất viết phiếu xin lãnh vật tư. Căn cứ vào phiếu xin lãnh vật tư kế toán viết phiếu xuất kho. Căn cứ vào phiếu xuất kho, thủ tục xuất vật tư và ghi vào phiếu xuất, số thực xuất ghi vào thẻ kho. Sau khi ghi xong vào thẻ kho, thủ kho chuyển chứng từ cho phòng kế toán để ghi sổ.

*- Các chứng từ kế toán có liên quan:*

Chứng từ kế toán sử dụng được quy định theo chế độ chứng từ kế toán ban hành theo QĐ số 1141/TC/CDKT ngày 1/11/1995 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các quyết định khác có liên quan bao gồm:

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 - VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 - VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu số 08 - VT)
- Hoá đơn bán hàng
- Hoá đơn GTGT

Ngoài các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của Nhà nước, tùy thuộc vào tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp, kế toán có thể sử dụng thêm các chứng từ kế toán hướng dẫn như:

- Phiếu xuất vật tư theo hạn mức (Mẫu số 04 - VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư (Mẫu số 05 - VT)
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu số 07 - VT)

### 1.1.5. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu :

#### 1.1.5.1. Phân loại nguyên vật liệu :

Nguyên vật liệu sử dụng trong doanh nghiệp bao gồm nhiều loại, có công dụng khác nhau, được sử dụng ở nhiều bộ phận khác nhau. Mỗi loại có vai trò, công dụng, tính chất lý, hoá học khác nhau đối với quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm. Do vậy để thống nhất trong công tác quản lý nguyên vật liệu, kế toán tiến hành phân loại chúng theo những tiêu thức sau:

➤ Căn cứ vào vai trò, công dụng của nguyên vật liệu: nguyên vật liệu được chia thành:

- Nguyên vật liệu chính: là đối tượng cấu thành nên thực thể sản phẩm. Các doanh nghiệp khác nhau thì sử dụng nguyên vật liệu chính không giống nhau.

- Nguyên vật liệu phụ: là những loại vật liệu khi sử dụng chỉ có tác dụng phụ có thể làm tăng chất lượng sản phẩm, hoàn chỉnh sản phẩm hoặc đảm bảo cho các công cụ, dụng cụ hoạt động bình thường.

- Nhiên liệu: là những loại vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Phụ tùng thay thế: là những loại phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa những máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn.

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: gồm những loại vật liệu, thiết bị, công cụ, vật kết cấu dùng cho công tác xây dựng cơ bản.

Cách phân loại này là cơ sở để xác định mức tiêu hao, định mức dự trữ cho từng loại, từng thứ nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

➤ Căn cứ vào mục đích sử dụng: nguyên vật liệu được chia thành:

+ Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh.

- Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm.

- Nguyên vật liệu dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận giao bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.

+ Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác:

- Nhượng bán

- Đem góp vốn liên doanh
- Đem biếu tặng
- Căn cứ vào nguồn hình thành: nguyên vật liệu được chia thành:
  - Nguyên vật liệu nhập từ bên ngoài: do mua ngoài, nhận vốn góp liên doanh, nhận biếu tặng.
  - Nguyên vật liệu tự chế: do doanh nghiệp tự sản xuất.

Cách phân loại này làm căn cứ cho việc lập kế hoạch thu mua và kế hoạch sản xuất, là cơ sở để xác định trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập kho.

### *1.1.5.2. Đánh giá nguyên vật liệu:*

#### *o Các nguyên tắc chi phối đến đánh giá nguyên vật liệu :*

Đánh giá nguyên vật liệu là dùng thước đo tiền tệ biểu hiện giá trị của chúng theo những nguyên tắc nhất định. Có 3 nguyên tắc chi phối đến việc đánh giá nguyên vật liệu:

- Nguyên tắc giá gốc (còn gọi là giá phí, giá thành, giá lịch sử) :

Tất cả các loại tài sản và hàng tồn kho ở doanh nghiệp được phản ánh trong sổ kế toán và báo cáo tài chính được ghi chép theo giá gốc. Giá gốc bao gồm tất cả các chi phí bình thường và hợp lý mà doanh nghiệp bỏ ra để có tài sản và sẵn sàng đưa vào sử dụng.

- Nguyên tắc nhất quán:

Nguyên tắc này đòi hỏi doanh nghiệp phải sử dụng phương pháp kế toán thống nhất trong suốt niên độ kế toán.

- Nguyên tắc thận trọng:

Nguyên tắc này đòi hỏi doanh nghiệp phải phản ánh đúng giá trị tài sản, các nghiệp vụ làm tăng doanh thu và tăng vốn chỉ được ghi khi có chứng cứ chắc chắn (có chứng từ), chi phí và các khoản làm giảm doanh thu, vốn chủ sở hữu phải được ghi chép ngay dù chưa có chứng từ chắc chắn. Trên bảng cân đối kế toán, hàng tồn kho phải được phản ánh theo giá trị có thể thực hiện được của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ giảm do vật liệu bị hư hỏng, kém hoặc mất phẩm chất... thì đơn vị phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

## Khóa luận tốt nghiệp

---

### ○ **Đánh giá nguyên vật liệu giá vốn thực tế.**

➤ Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho :

Tuỳ theo từng nguồn nhập mà giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho được xác định như sau:

\* Đối với nguyên vật liệu mua ngoài:

Giá gốc NVL mua ngoài nhập kho		Các loại thuế không được hoàn loại	Chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng	Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng qui cách, phẩm chất
--------------------------------	--	------------------------------------	--	---

Trong đó:

- Chi phí thu mua bao gồm: chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, phân loại, bảo hiểm, chi phí thuê kho bãi, tiền phạt, chi phí mở L/C và các chi phí dịch vụ ngân hàng cho các thương vụ mua nguyên vật liệu từ các nguồn nhập khẩu hay trong nước.

- Giá mua được xác định theo 2 trường hợp:

Đối với cơ sở SXKD thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá NVL mua vào là giá mua thực tế không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

Đối với cơ sở SXKD không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và cơ sở SXKD không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì giá trị vật liệu mua vào là tổng giá thanh toán phải trả cho người bán( bao gồm thuế GTGT đầu vào).

\* Đối với nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự gia công chế biến:

$$\text{Giá trị thực tế NVL nhập kho} = \text{Giá trị NVL xuất kho tự gia công chế biến} + \text{Chi phí tự gia công chế biến}$$

\* Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến:

$$\text{Giá gốc NVL nhập kho thuê ngoài gia công} = \text{Giá gốc NVL xuất kho} + \text{Tiền thuê chế biến} + \text{Chi phí vận chuyển bốc dỡ}$$



## Khóa luận tốt nghiệp

\* Đối với nguyên vật liệu nhận từ vốn góp liên doanh: Giá thực tế của nguyên vật liệu là giá do Hội đồng định giá đánh giá lại và được chấp nhận.

\* Đối với nguyên vật liệu được biếu tặng: Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho là giá thực tế được xác định theo thời giá trên thị trường.

➤ Giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho:

Tuỳ theo hoạt động của doanh nghiệp cũng như yêu cầu của nhà quản lý cán bộ kế toán có thể sử dụng một trong các phương pháp sau:

### \* Phương pháp giá bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này giá thực tế nguyên vật liệu xuất dùng trong kỳ được tính theo công thức:

$$\text{Giá thực tế NVL xuất dùng} = \frac{\text{Số lượng NVL, xuất dùng}}{\text{Giá đơn vị bình quân}}$$

Trong đó giá đơn vị bình quân có thể được tính theo một trong hai cách sau:

Cách 1:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá thực tế NVL tồn + nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng thực tế NVL tồn + nhập kho trong kỳ}}$$

Cách 2:

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế NVL trước + sau từng đợt nhập}}{\text{Số lượng thực tế NVL trước + sau từng đợt nhập}}$$

**Ưu điểm:** Phương pháp này đơn giản, dễ làm.

**Nhược điểm:** theo phương pháp này chỉ đến cuối kỳ mới xác định được đơn giá bình quân gia quyền vì vậy ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả vật tư, hàng hóa khi nhập kho.

**Điều kiện áp dụng:** thường áp dụng đối với doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả vật tư hàng hóa khi nhập kho.

### \* Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):

Theo phương pháp này thì số hàng nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng số hàng xuất. Cơ sở của phương pháp này là giá thực tế của hàng mua trước sẽ được dùng làm giá để

tính giá thực tế hàng xuất do vậy giá thực tế hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số vật liệu mua vào sau cùng.

**Ưu điểm:** Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm, thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư, số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều, phương pháp này cho phép kế toán có thể tính giá NVL xuất kho kịp thời.

**Nhược điểm:** Phương pháp này làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những chi phí hiện tại, vì doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị của vật tư, hàng hoá đã được mua từ cách đó rất lâu.

### **\* Phương pháp nhập sau xuất trước(LIFO)**

Phương pháp này, số hàng nào nhập sau thì xuất trước và trị giá hàng xuất kho tính theo giá thực tế của những lô hàng mới nhập hiện có trong kho. Trị giá của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo số lượng hàng tồn kho và đơn giá của những lô hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

**Ưu điểm:** Phương pháp này thích hợp trong trường hợp đơn giá thực tế vật liệu nhập kho trong từng lần tăng dần, đảm bảo thu hồi vốn nhanh và tồn kho ít.

**Nhược điểm:** Chất lượng của công tác tính giá phụ thuộc và sự ổn định của giá cả vật liệu. Trong trường hợp giá cả của vật liệu biến động mạnh vì việc xuất theo phương pháp này sẽ mất tính chính xác và sẽ gây bất hợp lý.

### **\* Phương pháp thực tế đích danh.**

Giá trị thực tế của nguyên vật liệu xuất kho tính theo giá thực tế của từng lô hàng nhập. Áp dụng đối với doanh nghiệp sử dụng ít thứ nguyên vật liệu có giá trị lớn và có thể nhận diện được.

**Ưu điểm:** công tác tính giá nguyên vật liệu được thực hiện kịp thời và thông qua việc tính giá vật liệu, dụng cụ xuất kho, kế toán có thể theo dõi được thời hạn bảo quản của từng lô NVL.

- Đây là phương pháp có thể coi là lý tưởng nhất, nó tuân thủ theo nguyên tắc phù hợp của hạch toán kế toán. Chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế.

**Nhược điểm:** áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe chỉ có thể áp dụng được khi hàng tồn kho có thể phân biệt, chia tách ra thành từng loại,

từng thứ riêng lẻ.

○ **Đánh giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán:**

Giá hạch toán là giá quy định thống nhất trong phạm vi doanh nghiệp và được sử dụng ổn định trong một thời gian dài, giá hạch toán của nguyên vật liệu có thể là giá mua thực tế, giá kế hoạch, giá bán buôn...

Giá hạch toán được sử dụng để hạch toán chi tiết hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu làm giảm nhẹ công tác tính toán và tăng cường công tác kiểm tra của kế toán trong khâu thu mua, vận chuyển, bảo quản khi sử dụng giá hạch toán để hạch toán chi tiết hàng ngày thì cuối kỳ phải tính chuyển giá hạch toán thành giá thực tế để ghi sổ kế toán tổng hợp.

Cuối kỳ kế toán sẽ tiến hành điều chỉnh từ giá hạch toán sang giá thực tế thông qua hệ số giá:

$$\text{Hệ số chênh lệch giá} = \frac{\text{Giá thực tế NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá thực tế NVL nhập kho trong kỳ}}{\text{Giá hạch toán NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá hạch toán NVL nhập kho trong kỳ}}$$

○

$$\text{Giá thực tế NVL xuất kho} = \text{Giá hạch toán NVL xuất kho} \times \text{Hệ số chênh lệch giá}$$

Hệ số giá nguyên vật liệu có thể tính theo từng nhóm hay từng thứ vật liệu và việc áp dụng phương pháp tính toán cần phải nhất quán trong các niên độ kế toán.

**Ưu điểm:** phản ánh kịp thời biến động của giá trị các loại nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh, giảm nhẹ công tác tính toán đặc biệt đối với doanh nghiệp có nhiều chủng loại nguyên vật liệu.

**Nhược điểm:** việc sử dụng giá hạch toán để phản ánh vật liệu chỉ được dùng trong hạch toán chi tiết vật liệu và chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Điều kiện áp dụng:** thường áp dụng trong doanh nghiệp có nhiều chủng loại nguyên vật liệu, giá cả biến động và việc nhập kho diễn ra thường xuyên.

### **1.2. Hạch toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp:**

#### **1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu:**

Tuỳ thuộc vào điều kiện của từng doanh nghiệp mà có thể lựa chọn vận dụng một trong các phương pháp sau:

##### **1. Phương pháp thẻ song song:**

Nội dung của phương pháp ghi thẻ song song:

**Tại kho:** Thủ kho sử dụng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu về mặt số lượng. Thẻ kho do phòng kế toán lập và lập cho từng loại nguyên vật liệu. Sau ghi đã ghi đầy đủ các yếu tố của phân: tên, nhãn hiệu, quy cách, danh điểm, định mức dự trữ...kế toán giao cho thủ kho.

Thẻ kho phải được sắp xếp theo từng loại, từng nhóm và từng thứ tự để tiện cho việc quản lý.

Hàng ngày, khi nhận được các chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu thủ kho tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của từng chứng từ rồi thực hiện việc nhập, xuất và ghi số thực nhập, thực xuất vào chứng từ. Cuối ngày phân loại chứng từ rồi tính ra số tồn kho và ghi vào thẻ kho, lập phiếu giao nhận chứng từ và luân chuyển cho phòng kế toán.

**Tại phòng kế toán:** Kế toán NVL sử dụng sổ chi tiết vật liệu để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn của từng loại vật liệu cả về mặt số lượng lẫn giá trị. Sổ chi tiết được mở cho từng loại nguyên vật liệu. Khi nhận được các chứng từ nhập- xuất nguyên vật liệu do thủ kho gửi đến, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ và hoàn chỉnh chứng từ sau đó kế toán phân loại chứng từ và ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu tính ra số tồn kho cuối ngày. Cuối tháng, kế toán và thủ kho tiến hành đối chiếu số liệu trên thẻ kho với sổ chi tiết nguyên vật liệu. Ngoài ra kế toán chi tiết còn phải lập bảng tổng hợp Nhập - Xuất - Tồn để đối chiếu với kế toán tổng hợp.

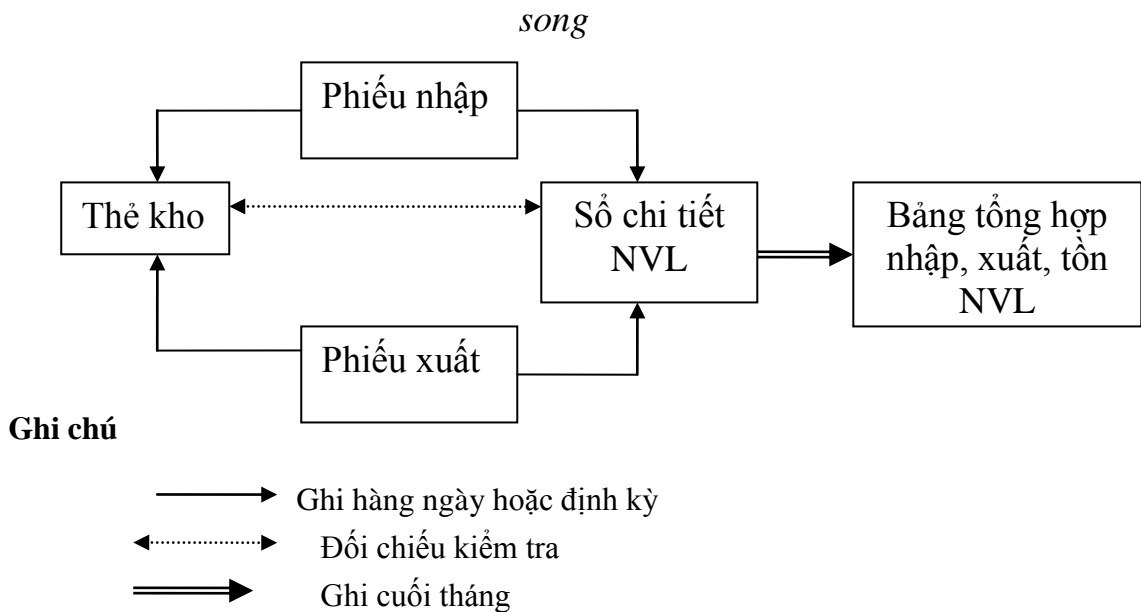
**Ưu điểm:** Ghi chép đơn giản, dễ hiểu, dễ kiểm tra, đối chiếu với số liệu và phát hiện sai sót. Đồng thời đảm bảo độ tin cậy cao của thông tin kế toán.

**Nhược điểm:** Ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu, số lượng. Mặt khác, việc kiểm tra đối chiếu thường tiến hành vào cuối tháng do

vậy hạn chế chức năng của kế toán.

**Phạm vi áp dụng:** Đối với doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, khối lượng nghiệp vụ xuất ít, không thường xuyên, trình độ kế toán hạn chế.

*Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song*



## 2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:

**Tại kho:** Thủ kho mở thẻ kho cho từng danh điểm vật tư và ghi theo chỉ tiêu số lượng tương tự như phương pháp ghi thẻ song song.

**Tại phòng kế toán:** kế toán NVL sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép phản ánh tổng hợp số NVL luân chuyển trong tháng và số tồn kho cuối tháng của chỉ tiêu số lượng và số tiền. Sổ đối chiếu luân chuyển được mở và được dùng cho cả năm, mỗi thứ NVL được ghi một dòng trong sổ và ghi một lần vào cuối tháng.

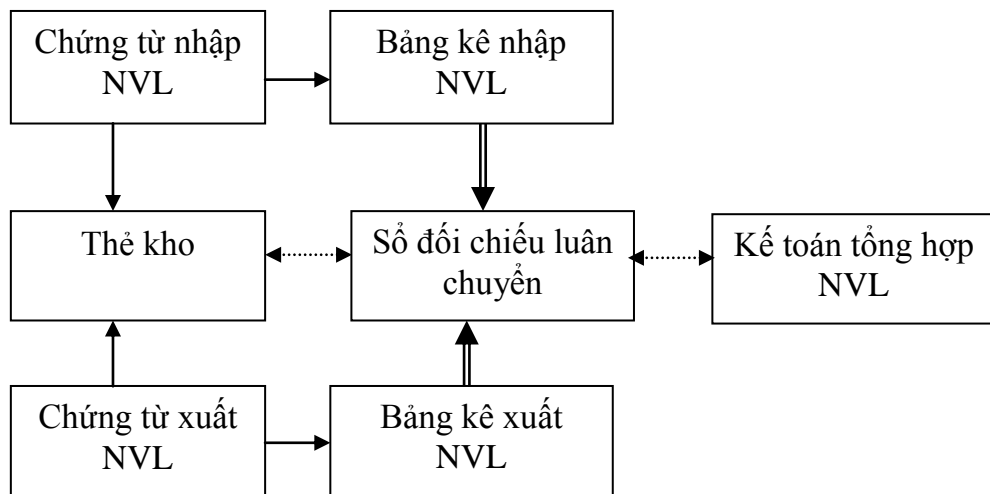
Cuối kỳ trên cơ sở phân loại chứng từ nhập xuất theo từng danh điểm NVL và từng kho kế toán lập bảng kê nhập vật liệu, bảng kê xuất vật liệu, và dựa vào bảng kê này để ghi theo số lượng và giá trị vào sổ đối chiếu luân chuyển. Dòng cộng cuối kỳ của sổ đối chiếu luân chuyển được đối chiếu với số liệu kế toán tổng hợp vật liệu (Sổ Cái)

**Ưu điểm:** khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối kỳ.

**Nhược điểm:** phương pháp này vẫn còn ghi sổ trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu số lượng; việc kiểm tra, đối chiếu giữa kho và phòng kế toán chỉ được tiến hành vào cuối tháng nên hạn chế tác dụng kiểm tra của kế toán.

**Phạm vi áp dụng:** thích hợp với các doanh nghiệp có chủng loại NVL ít, không có điều kiện ghi chép, theo dõi tình hình nhập xuất hàng ngày phương pháp này thường ít áp dụng trong thực tế.

*Sơ đồ 1.2: Trình tự kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển*



**Ghi chú:**     → Ghi hàng ngày  
          ==> Ghi cuối tháng  
          <-.-> Đối chiếu, kiểm tra

### 3. Phương pháp sổ số dư:

**Tại kho:** Thủ kho vẫn mở thẻ kho để theo dõi tình hình biến động của từng danh điểm vật tư theo chỉ tiêu số lượng (tương tự như phương pháp ghi thẻ song song). Cuối tháng thủ kho căn cứ vào số lượng tồn trên từng thẻ kho ghi vào sổ số dư cột số lượng, mỗi một danh điểm vật tư được ghi một dòng trên sổ số dư. Sau đó gửi sổ số dư về phòng kế toán.

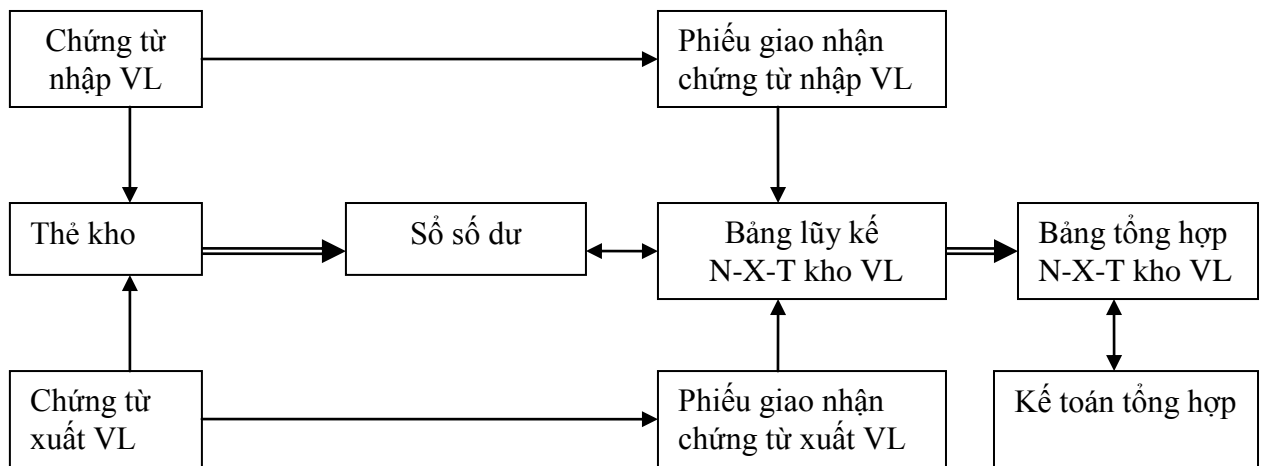
**Tại phòng kế toán:** Định kỳ kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép của thủ kho vào thẻ kho, ký xác nhận vào thẻ kho, sau đó mang chứng từ nhập - xuất về phòng phân loại chứng từ để vào sổ giao nhận chứng từ nhập, sổ giao nhận chứng từ xuất. Cuối tháng căn cứ vào sổ giao nhận chứng từ nhập - xuất để vào bảng tổng hợp lũy kế nhập - xuất - tồn kho. cột giá trị trên bảng lũy kế nhập -

xuất - tồn kho trên sổ số dư cho từng nhóm từng kho vật liệu tương ứng.

**Ưu điểm:** tránh được việc ghi chép trùng lặp về chỉ tiêu số lượng và dẫn đến công việc ghi sổ trong kỳ, nên không bị dồn vào cuối kỳ.

**Nhược điểm:** việc kiểm tra đối chiếu giữa kho và phòng kế toán phức tạp hơn. Ngoài ra, kế toán muốn biết được lượng tồn của từng danh điểm vật tư ở từng thời điểm khác nhau bắt buộc phải xuống kho xem thẻ kho mới xác định được.

**Điều kiện áp dụng:** phương pháp này áp dụng thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm NVL và đồng thời số lượng chứng từ nhập xuất của mỗi loại khá nhiều.



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- ⇔ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

*Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư*

### **1.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp:**

#### **1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương kê khai thường xuyên**

○ **Đặc điểm của phương pháp kê khai thường xuyên:**

Định nghĩa: Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp phản ánh, ghi chép thường xuyên, liên tục có hệ thống tình hình Nhập- Xuất- Tồn kho các loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hoá... trên các tài khoản và sổ kế toán tổng hợp dựa trên các chứng từ nhập, xuất. Theo phương pháp này, các tài khoản hàng tồn kho được dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động

tăng, giảm của các loại hàng tồn kho. Vì vậy, giá trị hàng tồn kho có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào.

**Ưu điểm:** theo dõi được thường xuyên, liên tục tình hình Nhập- Xuất- Tồn theo các chứng từ nên việc xác định giá vốn của nguyên vật liệu được chính xác.

**Nhược điểm:** đối với nguyên vật liệu công kênh, điều kiện cân, đo, đong, đếm không được chính xác thì giá trị sản xuất theo chứng từ kế toán nhiều khi xa rời với giá vốn thực tế làm cho công việc kế toán vốn nhiều công sức, phức tạp, phải điều chỉnh giữa số liệu kiểm kê và số liệu tính toán.

○ **Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

➤ Tài khoản sử dụng:

**\* Tài khoản 152: Nguyên vật liệu**

- Tài khoản này được dùng để theo dõi giá trị hiện có, tình hình tăng giảm của nguyên vật liệu theo giá thực tế, có thể mở chi tiết theo từng loại nhóm,.....tuỳ theo yêu cầu quản lý và phương tiện tính toán.

- Kết cấu của tài khoản 152:

+ Bên Nợ: phản ánh các nghiệp vụ phát sinh làm tăng giá trị thực tế của nguyên vật liệu trong kỳ (mua ngoài, nguyên vật liệu tự gia công chế biến, nhận vốn góp, phát hiện thừa, đánh giá tăng....)

+ Bên Có: phản ánh các nghiệp vụ phát sinh làm giảm nguyên vật liệu trong kỳ theo giá thực tế (xuất dùng, xuất bán, đánh giá giảm phát hiện thiếu,....)

+ Dư Nợ: Giá trị thực tế nguyên vật liệu tồn kho

**\* Tài khoản 151: Hàng mua đang đi đường**

- Tài khoản này dùng để theo dõi các loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hoá.... mà doanh nghiệp đã mua hay chấp nhận mua đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng cuối tháng chưa về nhập kho (kể cả số gửi kho người bán)

- Kết cấu TK 151:

+ Bên Nợ: phản ánh giá trị hàng đi đường tăng

+ Bên Có: phản ánh giá trị hàng đi đường kỳ trước đã nhập kho hay



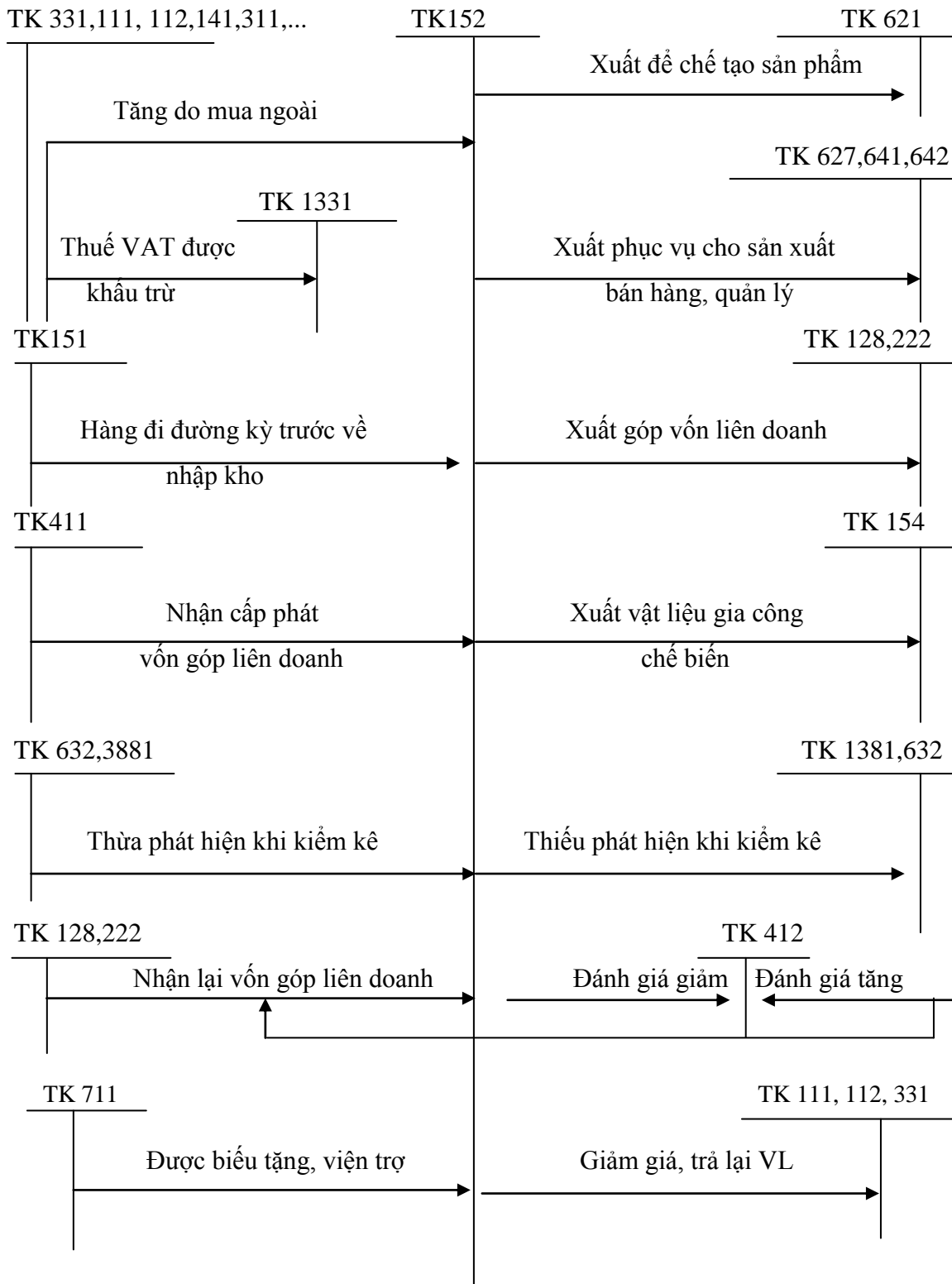
## Khóa luận tốt nghiệp

chuyển giao cho các bộ phận sử dụng hoặc giao cho khách hàng.

+ Dư Có: Giá trị hàng đi đường (đầu và cuối kỳ)

Ngoài ra còn sử dụng một số tài khoản khác như TK 133, 111, 112, 331,...

➤ Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

○ **Đặc điểm của phương pháp kiểm kê định kỳ:**

- Định nghĩa:

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán tổng hợp. Từ đó tính ra giá trị vật tư, hàng hoá xuất kho trong kỳ theo công thức

$$\text{Số lượng hàng xuất} = \text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ} - \text{Số lượng hàng tồn cuối kỳ}$$

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của vật tư, hàng hoá nhập kho, xuất kho không theo dõi, phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho mà được theo dõi trên một tài khoản riêng là **Tài khoản 611 “mua hàng”**.

Công tác kiểm kê vật tư, hàng hoá sẽ được tiến hành vào cuối mỗi kỳ kế toán để xác định giá trị hàng tồn kho thực tế làm căn cứ ghi sổ kế toán của các tài khoản hàng tồn kho, đồng thời căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hoá tồn kho để xác định giá trị vật tư, hàng hoá xuất kho trong kỳ làm căn cứ để ghi sổ kế toán Tài khoản 611

- Ưu điểm: việc ghi chép đơn giản, gọn nhẹ do không phải đối chiếu giữa số liệu kế toán và số lượng kiểm kê mà số liệu kế toán luôn khớp với thực tế.

- Nhược điểm: trên tài khoản tổng hợp không thể hiện rõ giá trị vật liệu xuất dùng( hoặc xuất bán)

○ **Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**

➤ **Tài khoản sử dụng:**

**\* Tài khoản 611: Mua hàng**

+ Bên Nợ: phản ánh giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

+ Bên Có: phản ánh giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng, thiếu hụt và tồn kho cuối kỳ.

Tài khoản 611(1) cuối kỳ không có số dư và thường được mở chi tiết theo từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

**\* Tài khoản 151: Hàng mua đang đi đường**

+ Bên Nợ: Giá thực tế hàng đang đi đường cuối kỳ

## Khóa luận tốt nghiệp

+ Bên Có: Kết chuyển giá thực tế hàng đang đi đường cuối kỳ

+ Bên Nợ: Giá thực tế hàng đang đi đường

### \* Tài khoản 152: Nguyên liệu, vật liệu:

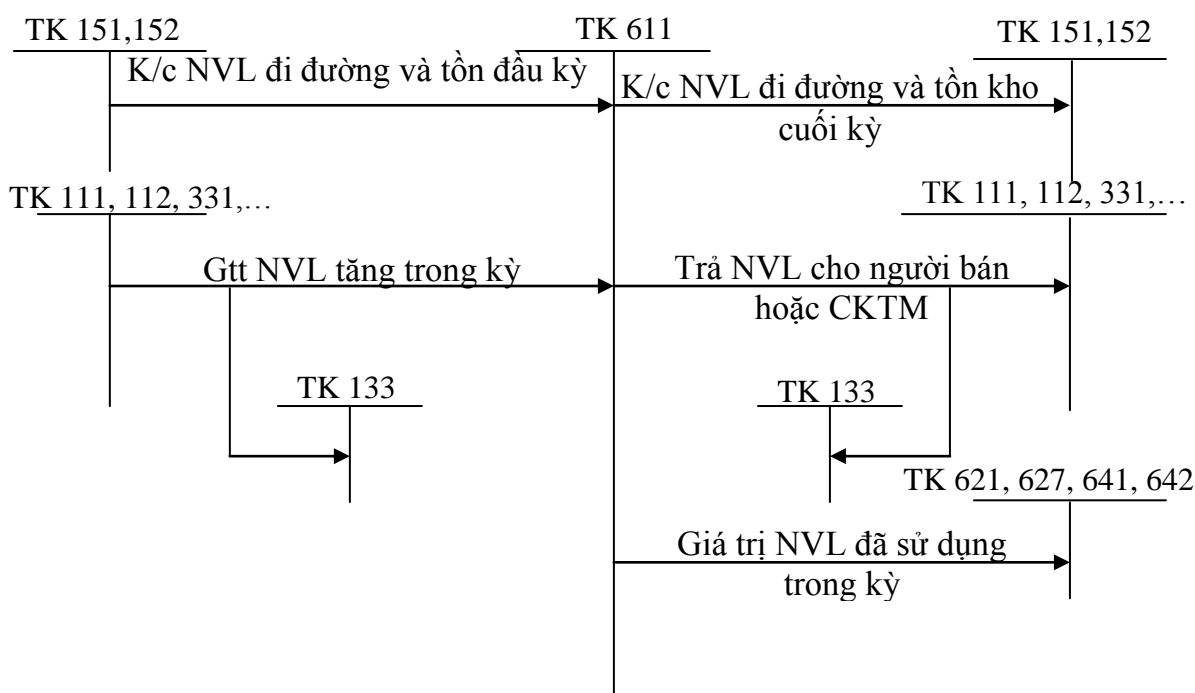
+ Bên Nợ: Giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ (kết chuyển từ TK 611 sang)

+ Bên Có: Giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ (kết chuyển từ TK 611 sang)

+ Bên Nợ: Giá thực tế vật liệu tồn kho cuối kỳ

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như TK 133, 331, 111, 112, ....

➤ Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

### 1.2.3. Hình thức tổ chức sổ kế toán:

Theo QĐ số 15/2006/ QĐ- BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành ngày 20/03/ 2006, các Doanh nghiệp sử dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

#### 1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp

vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

### **2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

### **3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;

- Sổ Cái .
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

#### **4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ**

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký - Chứng từ

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

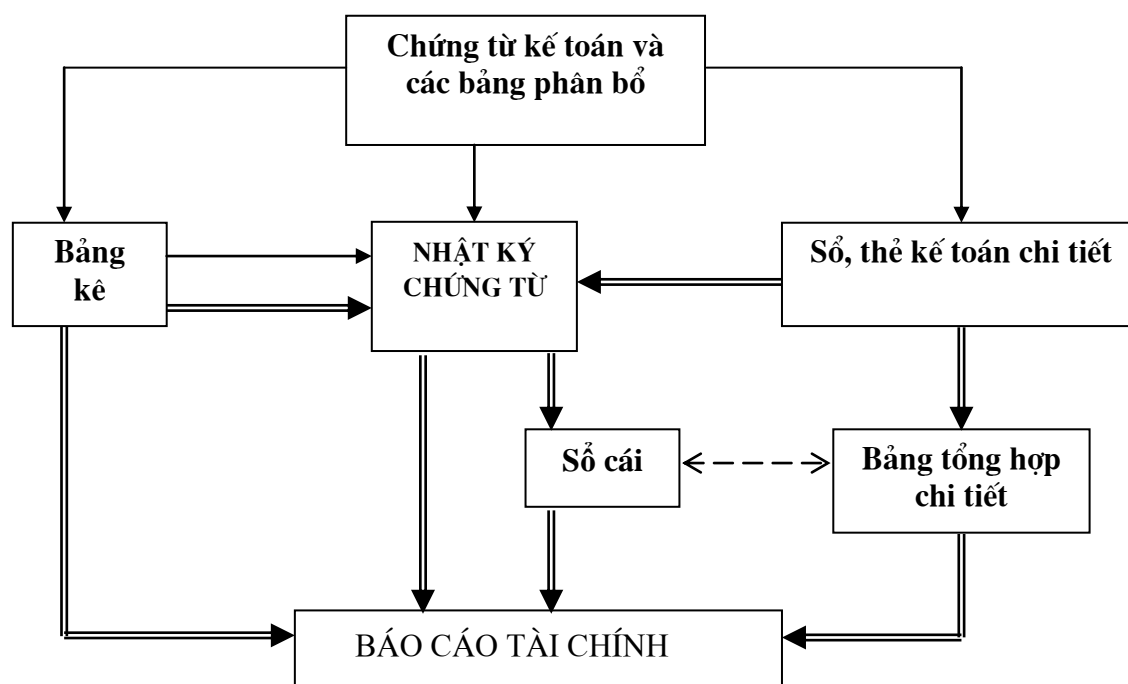
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ, Bảng kê
- Sổ Cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.



*Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán*

*Nhật ký - Chứng từ.*

Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==→: Ghi hàng tháng
- ←--→: Đối chiếu, kiểm tra.

### 5. Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

**CHƯƠNG 2**

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG**

**2.1.Đặc điểm chung ở công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong.**

**2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển.**

- Tên công ty:

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong.

TIEN PHONG PLASTIC JOINT STOCK COMPANY (TIFOPLAST)

- Loại hình doanh nghiệp: công ty cổ phần

- Trụ sở chính:

Số 2, An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

- Điện thoại : (84-31) 852073 Fax: (84-31) 640133

- Ngành nghề kinh doanh :

+ Sản xuất nhựa

+ Xây dựng

Ngày 19/05/1960 nhân dịp sinh nhật lần thứ 70 của Bác Hồ kính yêu, Nhà máy Nhựa Thiếu niên Tiền phong chính thức khánh thành đi vào hoạt động với nhiệm vụ chủ yếu: chuyên sản xuất các mặt hàng phục vụ thiếu niên nhi đồng. Với ý nghĩa lịch sử thiêng liêng đó, tập thể CBCNV nhà máy đã luôn nỗ lực hết mình, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, đưa nhà máy từng bước phát triển vững mạnh đảm bảo hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhằm hoàn thiện bộ máy tổ chức sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh cho Công ty trong cơ chế thị trường, ngày 29/04/1993 Bộ Công nghiệp nhẹ( nay là Bộ Công Nghiệp) ban hành Quyết định số 386/CN/TCLD về việc đổi tên Nhà máy Nhựa Thiếu niên Tiền phong thành Công ty Nhựa Thiếu niên Tiền phong. Theo đó, Công ty Nhựa Thiếu niên Tiền phong trở thành của một doanh nghiệp nhà nước, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Nhựa Việt Nam, được phép kinh doanh, sản xuất các sản phẩm từ chất dẻo. Với mô

hình tổ chức mới, chủ động đáp ứng nhu cầu thị trường,

Công ty đã táo bạo từ bỏ hẳn mặt hàng truyền thống từng nổi tiếng một thời nhưng hiệu quả thấp để chuyển hẳn sang sản xuất ống nhựa PVC. Với những bước đi đúng đắn, vững chắc, sản phẩm của Công ty đã và đang chiếm lĩnh thị trường bằng uy tín về chất lượng cũng như tính cạnh tranh về giá bán.

Ngày 17/08/2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã ban hành Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Công ty Nhựa Thiếu niên Tiền phong thành Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền phong. Thực hiện chuyển đổi theo mô hình công ty cổ phần, Công ty đã tiến hành đánh giá lại tài sản, hoạt động sản xuất kinh doanh, sắp xếp lại lao động dôi dư, hợp lý hóa sản xuất đem lại những thay đổi về chất, tạo ra động lực mới cho phát triển nhanh và vững chắc trong tương lai.

### **2.1.2 Đặc điểm sản phẩm**

Sản phẩm :

- Nhóm các sản phẩm ống nhựa U.PVC
- Nhóm sản phẩm ống nhựa HDPE
- Nhóm sản phẩm ống nhựa PPR
- Nhóm sản phẩm phụ tùng U.PVC, HDPE, PPR và các sản phẩm khác.

### **2.1.3 Thuận lợi, khó khăn và những thành tích phương hướng phát triển.**

#### ***2.1.3.1 Những thuận lợi của Công ty***

- Thương hiệu Nhựa Tiền Phong đã và đang khẳng định chỗ đứng vững chắc trên thị trường, được người tiêu dùng đánh giá cao về chất lượng, giá cả, mẫu mã. Các sản phẩm của công ty đều được sản xuất và kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo chất lượng cao nhất, đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng trong nước và quốc tế.

- Công ty có chiến lược đầu tư đúng đắn, đầu tư có trọng tâm và đảm bảo các thiết bị máy móc hiện đại, đồng bộ. Chính vì vậy, các sản phẩm của Công ty có chất lượng cao và ổn định, giảm tỷ lệ phế liệu và hao hụt trong quá trình sản xuất. Đồng thời với năng lực sản xuất hiện đại, Công ty có thể đáp ứng được đầy đủ nhu cầu tăng sản lượng trong tương lai.



- Tình hình tài chính lành mạnh giúp Công ty chủ động hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, dự trữ nguyên vật liệu, đầu tư trang thiết bị hiện đại.

- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, nhân viên nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn, gắn bó lâu dài với Công ty.

### ***2.1.3.2 Những khó khăn của Công ty***

- Nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm và phần lớn nguyên liệu của Công ty được nhập khẩu từ nước ngoài nên việc biến động giá cả và các nguyên liệu trên thị trường thế giới sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của Công ty.

- Công ty vẫn chưa khai thác hết tiềm năng thị trường trong nước và các nước lân cận.

- Mặt bằng sản xuất chưa đủ lớn so với nhu cầu của Công ty nên gây khó khăn cho quá trình bố trí các công đoạn sản xuất cũng như dự trữ nguyên liệu, sản phẩm.

### ***2.1.3.3 Những thành tích đạt được.***

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng toàn diện TQM và đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000. Với phương châm: “ Chất lượng là trên hết – Đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người tiêu dùng”, Công ty đã và đang đạt được kết quả kinh doanh khả quan và giành được nhiều danh hiệu cao quý:

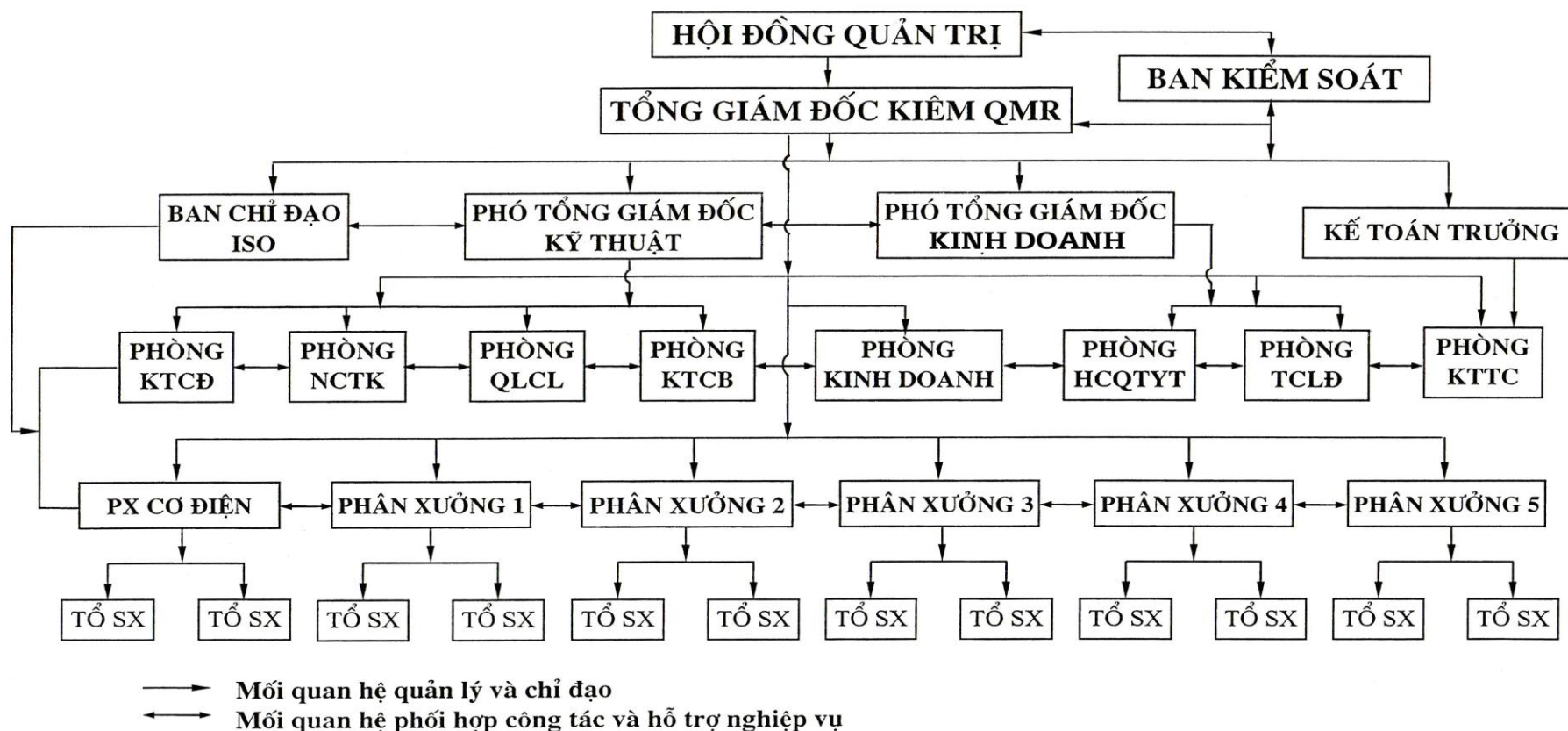
- Huân chương độc lập hạng ba năm 2010
- Huân chương lao động hạng nhất năm 2000
- Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới giai đoạn 1994- 2005
- Cờ thi đua của Chính phủ, của Bộ Công nghiệp, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, UBND thành phố Hải Phòng

Cùng rất nhiều bằng khen và cúp trong những năm qua.

**2.1.4 Đặc điểm tổ chức quản lý của Công ty**

**Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong  
theo sơ đồ 2.1**

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TNTP HẢI PHÒNG**



Sơ đồ: 2.1 Sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền phong.

### **Hội đồng quản trị :**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ 5 năm, thành viên của Hội đồng quản trị có thể được bầu lại.

### **Ban kiểm soát :**

Ban kiểm soát là cơ quan giám sát của Đại hội cổ đông, có quyền kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát có 3 thành viên trong đó có ít nhất 1 thành viên có chuyên môn về kế toán, ban kiểm soát có nhiệm kỳ 5 năm, thành viên ban có thể được bầu lại.

### **Ban điều hành :**

Ban điều hành Công ty gồm: Giám đốc, một Phó giám đốc phụ trách kinh doanh, 1 Phó giám đốc phụ trách kỹ thuật, Kế toán trưởng. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, là đại diện theo pháp luật của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao

### **Phòng kế hoạch tài chính :**

Thực hiện công tác nghiệp vụ hạch toán kế toán tài chính của doanh nghiệp, tổ chức khai thác nguồn vốn, quản lý lưu trữ hồ sơ kế toán chứng từ sổ sách, hướng dẫn nghiệp vụ quản lý tài chính - kế toán, kiểm tra giám sát thực hiện chế độ, chính sách và các quy định của Nhà nước với các đơn vị thành viên.

### **Phòng kinh doanh :**

Có nhiệm vụ khai thác nguồn hàng, tham mưu ký kết hợp đồng tổ chức giao nhận thực hiện hợp đồng, xây dựng kế hoạch sản xuất, báo cáo thống kê, doanh thu hàng hóa, thực hiện các yêu cầu quản lý do cấp trên quy định. Chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hợp đồng đã ký, phối hợp với phòng kế toán theo dõi chặt chẽ các khoản thu chi của doanh nghiệp, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, năm.

### **Phòng hành chính quản trị y tế :**

Là một bộ máy làm việc của Công ty thực hiện các chức năng chủ yếu: công tác hành chính - văn thư lưu trữ, công tác y tế - chăm sóc sức khỏe, công tác bảo vệ môi trường, tham mưu và thực hiện công tác đời sống ở Công ty, một số công tác khác như tuyên truyền quảng cáo, thi đua khen thưởng.

### **Phòng tổ chức lao động :**

Tham mưu cho Tổng giám đốc về tổ chức bộ máy của Công ty, đề xuất các nội dung theo lĩnh vực được phân công. Đào tạo cán bộ cho nhu cầu hiện tại và chiến lược. Xây dựng kế hoạch tiền lương ngắn hạn và dài hạn. Xây dựng định mức lao động tiền lương. Công tác bảo hiểm xã hội hưu trí và một số công tác khác.

### **Phòng nghiên cứu thiết kế :**

Đề xuất với lãnh đạo Công ty các dự án nghiên cứu sản phẩm và công nghệ mới, thông báo cho các đơn vị liên quan về các phương án sản xuất kinh doanh mặt hàng mới, biến động trong quá trình sản xuất, biện pháp khắc phục ngăn ngừa cần thiết.

### **Phòng kiến thiết cơ bản :**

Tư vấn cho Tổng giám đốc trong việc đầu tư xây dựng cơ bản lựa chọn đấu thầu xây dựng. Quản lý các hạng mục công trình hiện có của Công ty. Đề xuất và chỉ đạo thực hiện giải pháp kỹ thuật các công trình mở rộng nhà xưởng sản xuất và các cơ sở hạ tầng.

### **Phòng quản lý chất lượng :**

Giúp Tổng giám đốc kiểm tra chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn sản xuất. Thông báo kết quả kiểm tra những sản phẩm không đạt cho các đơn vị có liên quan lập bảng mẫu thử.....

### **Phòng kỹ thuật sản xuất :**

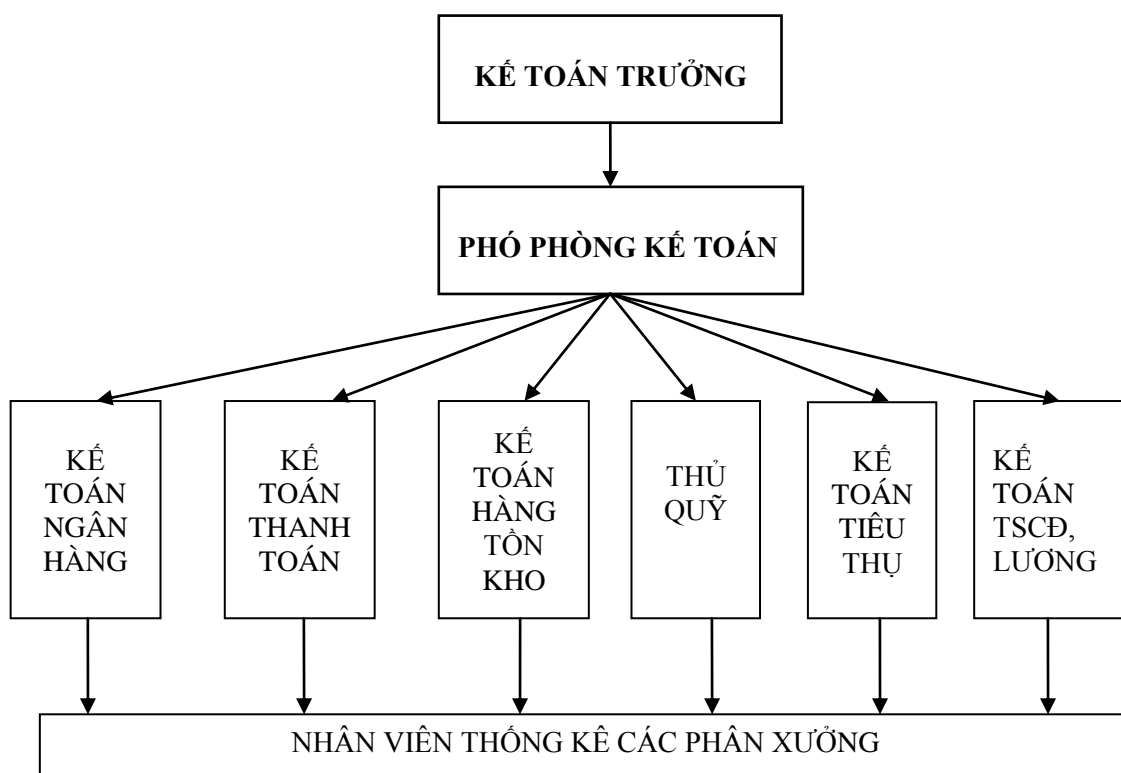
Tư vấn cho Tổng giám đốc trong công việc đầu tư đổi mới trang thiết bị công nghệ. Đề xuất chỉ đạo biện pháp kỹ thuật các công trình mở rộng sản xuất, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm. Xây dựng quản lý các quy trình sản xuất, tiêu chuẩn sản phẩm....

### 2.1.5. Đặc điểm tổ chức kế toán tại Công ty.

#### 2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Công tác kế toán do một bộ phận đảm nhận gọi là phòng kế toán tài chính, các nhân viên trong phòng có trách nhiệm thực hiện công tác nghiệp vụ hạch toán kế toán tài chính, lập báo cáo kế toán phân tích thông tin đề xuất phương án.

**Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán :**



Sơ đồ 2.2 :sơ đồ cơ cấu bộ máy kế toán của công ty

Chức năng nhiệm vụ của từng người :

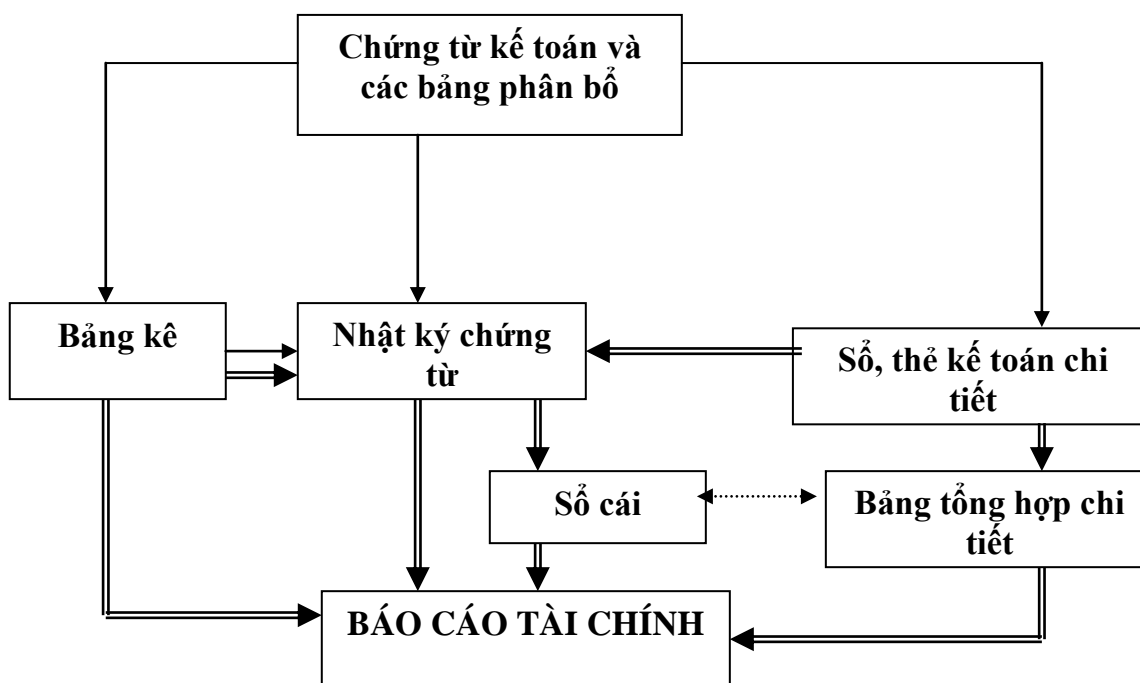
- Kế toán trưởng: đứng đầu bộ máy kế toán ,của công ty có chức năng giám sát mọi hoạt động của phòng kế toán, là người chịu trách nhiệm giải trình thực tế các báo cáo tài chính với các chức năng, tư vấn cho Giám đốc để vận hành việc sản xuất kinh doanh và vạch ra kế hoạch, dự án hoạt động trong tương lai đồng thời thay mặt giám đốc tổ chức công tác hạch toán tại công ty.

- Phó phòng kế toán: là người tham mưu giúp kế toán trưởng giải trình báo cáo tài chính với ban giám đốc, thay mặt kế toán trưởng giám sát mọi hoạt động của phòng kế toán,đồng thời là kế toán tổng hợp.

- Kế toán ngân hàng : theo dõi các hoạt động giao dịch liên quan tới ngân hàng
- Kế toán thanh toán: theo dõi các khoản phải thu phải trả và tình hình thanh toán khoản phải thu của khách hàng, thanh toán các khoản phải trả nhà cung cấp.
- Kế toán hàng tồn kho: là người theo dõi tình hình nhập xuất tồn hàng tồn kho của công ty.
- Thủ quỹ: có nhiệm vụ quản lý và nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt và báo cáo với kế toán trưởng về tình hình nhập, xuất tiền mặt trong ngày
- Kế toán tiêu thụ: là người theo dõi các hoạt động về tiêu thụ sản phẩm của công ty.
- Kế toán TSCĐ, lương: phụ trách công việc tính lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty, trích các khoản theo quy định đối với từng các bộ công nhân viên. Theo dõi TSCĐ của công ty, trích khấu hao và xác định giá trị còn lại của từng tài sản

### ***2.1.5.2 .Hình thức kế toán.***

Với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của mình Công ty đã áp dụng hình thức kế toán tập trung tại phòng Tài chính kế toán. Các phân xưởng trong Công ty đều bố trí nhân viên kinh tế của phân xưởng để thu thập số liệu, tài liệu, tập hợp chứng từ về phòng kế toán tài chính. Để phát huy vai trò củ bộ máy kế toán, Công ty áp dụng hạch toán kế toán theo hình thức **Nhật ký - Chứng từ**.



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký- chứng từ

Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ⇒ : Ghi hàng tháng
- ⇔ : Đối chiếu, kiểm tra.

### 2.1.5.3. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong

Hiện nay Công ty thực hiện chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành.

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm báo cáo.
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là: Việt Nam đồng
- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác: hạch toán ngoại tệ theo đúng tỷ lệ giao dịch thực hiện. Đối với số dư cuối kỳ đánh giá ngoại tệ theo giao dịch liên ngân hàng tại thời điểm 31/12.
- Nguyên tắc kế toán TSCĐ: Nguyên tắc đánh giá TSCĐ theo nguyên giá và hao mòn lũy kế, tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng với tỷ lệ khấu

hao thep QĐ 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ tài chính.

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho.
  - Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho : xác định theo giá gốc.
  - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- Phương pháp kế toán chi tiết NVL: .thẻ song song
- Phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho : bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

### **2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong.**

#### **2.2.1. Khái quát chung về nguyên vật liệu tại công ty:**

Trong công tác hạch toán Công ty có sử dụng tài khoản cấp 2 để phản ánh từng loại vật liệu theo dõi như : 1521( nguyên vật liệu chính),1522( nguyên vật liệu phụ), 1523.....

Để phù hợp với nhiệm vụ sản xuất theo hướng dẫn của hệ thống kế toán mới ban hành, nguyên vật liệu của Công ty bao gồm : nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, vật kiến thiết cơ bản, kim loại đen màu, phế liệu thanh lý.

- Nguyên vật liệu chính gồm : hạt PEHD đen, bột PVC, hạt PVC-LOTUS, hạt PVC ống cứng.....

- Nguyên vật liệu phụ gồm : phụ liệu PVC nong hàn, phụ liệu PVC ống cứng.....

- Nhiên liệu : xăng, dầu .....

- Phụ tùng thay thế : máy 63T, máy AT, dây Cuaroa.....

#### **2.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu**

Nguyên vật liệu tham gia vào giai đoạn đầu quá trình sản xuất kinh doanh để hình thành nên sản phẩm mới. Chúng rất đa dạng, phong phú về chủng loại, phức tạp về kỹ thuật. Trong mỗi quá trình sản xuất nguyên vật liệu không ngừng chuyển hóa , biến đổi về mặt giá trị.

Về mặt hiện vật : nó chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất và được tiêu dùng toàn bộ không giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu.





## Khóa luận tốt nghiệp

$$\begin{array}{rcccl}
 & \text{Trị giá thực tế} & & \text{Trị giá thực} & \\
 & \text{tồn đầu kỳ} & + & \text{tế NVL nhập} & \\
 & & & \text{trong kỳ} & \\
 \text{Trị giá vốn} & & & & \text{Số} \\
 \text{tực tế NVL} & & & & \text{lượng} \\
 \text{tồn kho} & - & \frac{\quad}{\quad} & \times & \text{NVL} \\
 & & & & \text{xuất} \\
 & & & & \text{trong} \\
 & & & & \text{kỳ} \\
 & \text{Số lượng NVL} & + & \text{Số lượng NVL} & \\
 & \text{tồn đầu kỳ} & & \text{nhập trong kỳ} & 
 \end{array}$$

$$\begin{array}{rcccl}
 \text{Trị giá vốn thực} & & & & \\
 \text{tế NVL xuất} & = & \text{Số lượng NVL} & \times & \text{Đơn giá bình} \\
 \text{kho} & & \text{tồn kho} & & \text{quân}
 \end{array}$$

**Ví dụ:** Tình hình thực tế việc tính ra giá thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền cả lý dự trữ của Công ty về vật tư như sau:

Đơn giá xuất kho của Hạt PP tại tháng 12 năm 2010, đơn vị tính Kg

- Tồn đầu kỳ : 10,000 kg với trị giá là 330,000,000 ( đ)

- Nhập trong kỳ : 10,000 kg với trị giá 370,000,000 ( đ)

- Xuất trong kỳ là : 8,200 kg

$$\begin{array}{rcc}
 \text{Giá đơn vị bình} & = & \frac{\text{Giá thực tế NVL tồn + nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng thực tế NVL tồn + nhập kho trong kỳ}} \\
 \text{quân cả kỳ dự trữ} & & 
 \end{array}$$

$$\begin{array}{rcc}
 \text{Đơn giá bình} & = & \frac{330,000,000 + 370,000,000}{10,000 + 10,000} = 35,000 \text{ Đ/kg} \\
 \text{quân GQ} & & 
 \end{array}$$

- Trị giá vốn thực tế xuất kho tháng 12/ 2010 của Hạt PP :  
= khối lượng xuất × đơn giá xuất = 8,200 × 35,000 = 287,000,000 Đ
- Trị giá vốn thực tế tồn kho cuối kỳ :  
= khối lượng tồn cuối kỳ × đơn giá bình quân  
= ( 10,000 + 10,000 – 8,200 ) × 35,000 = 413,000,000 Đ

### **2.2.3. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Nhựa Thiều Niên Tiên Phong.**

#### **2.2.3.1. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu:**

Theo chế độ kế toán hiện hành thì tất cả các loại vật liệu về đến Công ty đều phải tiến hành kiểm nhận và tiến hành nhập kho. Khi vật liệu về đến Công ty sẽ được kiểm tra căn cứ vào hóa đơn GTGT, đối chiếu với hợp đồng ký kết về số lượng, chủng loại, chất lượng từng loại vật liệu để lập ban kiểm nghiệm vật tư, hành hóa. Căn cứ vào hóa đơn GTGT và biên bản nghiệm thu vật tư hàng hóa bộ phận kinh doanh xem xét tính hợp lý rồi cho nhập kho số vật liệu đó đồng thời lập ba liên phiếu nhập kho. Một liên giao cho thủ kho, một liên giao cho người mua vật tư, một liên chuyển lên phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ sau khi ký nhận.

Người lập phiếu nhập kho phải đánh số hiệu phiếu nhập kho và ngày tháng năm lập phiếu, họ tên người nhập, số hóa đơn, tên kho. Thủ kho tiến hành kiểm tra số lượng và chất lượng chi vào cột thực nhập rồi ký nhận, sau đó vào thẻ kho.

***Ví dụ 1: Ngày 5/12/2010 Nguyễn Đình Cường mua 500 kg Hạt PP bằng tiền mặt của Công ty TNHH Cường Thịnh với trị giá mua chưa thuế GTGT 10% là 15,000,000Đ.***

Khi mua nguyên vật liệu Công ty nhận được hóa đơn GTGT

## Khóa luận tốt nghiệp

### Biểu số 2.1 Hóa đơn GTGT số 0023455

<b>HÓA ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Mẫu số: 01 GTKT-3LL VT/2010B 0023455		
Liên 2 : Giao cho khách hàng Ngày 02 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH CƯỜNG THỊNH</b> Địa chỉ: <b>32 Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền- HP</b> Số tài khoản: <b>28388239- Ngân hàng Á Châu-CN HP</b> Điện thoại: <b>MST : 0200552449</b>					
Họ tên người mua hàng : <b>Nguyễn Đình Cường</b> Tên đơn vị : <b>CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TP</b> Địa chỉ: <b>Số 2 An Đà - Ngô Quyền - Hải Phòng</b> Số tài khoản: Hình thức thanh toán: <b>Tiền mặt</b> <span style="float: right;"><b>MST: 02001637782</b></span>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Hạt PP	Kg	500	30,000	15,000,000
Cộng tiền hàng:					15,000,000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1,500,000
Tổng cộng tiền thanh toán:					16,500,000
Số tiền viết bằng chữ : Mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng chẵn					
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	

Khi hàng về tới kho, nhân viên thủ kho và kế toán tiến hành lập biên bản kiểm tra

## Khóa luận tốt nghiệp

### Biểu số 2.2 Biên bản kiểm nghiệm vật tư

CÔNG TY CP NHỰA THIÊU NIÊN TIỀN PHONG  
Số 2 An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 03- VT  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐBTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Căn cứ vào số hóa đơn 0023455 ngày 02 tháng 12 năm 2010 của Công ty TNHH Cường Thịnh giao.

Ban kiểm nghiệm gồm:

Ông : Nguyễn Việt Hoàn phòng kinh doanh – trưởng ban

Ông : Bùi Minh Công :đại diện phòng kỹ thuật - ủy viên

Bà : Lê Lan : đại diện thủ kho - ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại vật tư sau đây:

STT	Tên nhãn hiệu vật liệu	Đơn vị tính (kg)	Số lượng		Không đúng quy cách phẩm chất
			Theo chứng từ	Đúng quy cách phẩm chất	
1	Hạt PP	Kg	500	500	0

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

( Ký, họ tên)

**Thủ kho**

(ký, họ tên)

**Trưởng ban kiểm kê**

(ký, họ tên)

Căn cứ vào hóa đơn 0023455 và biên bản kiểm nghiệm vật tư số hàng hóa thực tế đã về. Thủ kho xác nhận số lượng và đơn giá tiến hành nhập kho

## Khóa luận tốt nghiệp

### Biểu 2.3. Phiếu nhập kho số 2896

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

Số 2 An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số 01- VT

### PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Số: 2896

Nợ: TK 152

Có : TK 111

Họ và tên người giao hàng: Nguyễn Đình Cường

Địa chỉ: Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Nhập tại kho: Vật tư

STT	Tên quy cách sản phẩm hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực nhập		
1	Hạt PP	Kg	500	500	30,000	15,000,000
	Cộng		500	500		15,000,000

Số tiền viết bằng chữ: Mười lăm triệu đồng chẵn.

Nhập, ngày 02 tháng 12 năm 2010

Người giao hàng

Kế toán trưởng

Thủ kho

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Do thanh toán bằng tiền mặt nên có phiếu chi

## Khóa luận tốt nghiệp

### Biểu 2.4 Phiếu chi số 3412

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

Số 2 An Đà, Ngõ Quyền, Hải Phòng

Mẫu số:02-TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐBTC

(Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng-BTC)

#### PHIẾU CHI

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

Số : 3412

Nợ : 152 : 15,000,000

Nợ : 133 : 1,500,000

Có: 111 : 16,500,000

Họ và tên người nhận tiền : Nguyễn Đình Cường

Địa chỉ : Phòng kinh doanh

Lý do chi : mua nguyên vật liệu

Số tiền : **16,500,000** đồng

Số tiền viết bằng chữ : Mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng chẵn

Kèm theo : chứng từ gốc

Ngày 02 tháng 12 năm 2010

**Giám  
đốc**

(ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán  
trưởng**

(ký, họ tên)

**Thủ quỹ**

(ký, họ tên)

**Người lập  
phiếu**

(ký, họ tên)

**Người  
nhận tiền**

(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền : mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng chẵn

**2.2.3.2 Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu:**

Các loại chứng từ sử dụng là các chứng từ gốc phản ánh mục đích xuất kho bao gồm :

Phiếu xin lĩnh vật tư

Phiếu xuất kho

Phiếu xuất vật tư theo hạn mức

Vật liệu được xuất kho cho các phân xưởng sản xuất. Căn cứ vào số lượng vật tư yêu cầu tính toán theo định mức dự dụng của cán bộ kỹ thuật, kế toán nguyên vật liệu lập phiếu xuất kho thành ba liên.

- Một liên giao cho thủ kho là căn cứ lưu thẻ kho
- Một liên giữ lại để là căn cứ lưu phòng kế toán
- Một liên thống kê phân xưởng mang về cùng với số nguyên vật liệu được cấp.

Người lập phiếu xuất kho ghi rõ số, ngày tháng năm của phiếu xuất kho và mục đích sử dụng

***Ví dụ: Ngày 19 tháng 12 năm 2010 xuất kho 500kg hạt PP cho phân xưởng sản xuất 1 để sản xuất sản phẩm.***



**Biểu số 2.5 Phiếu đề nghị lĩnh vật tư**

**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG**  
Số 2 An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiền Phong, ngày 19 tháng 12 năm 2010

**PHIẾU ĐỀ NGHỊ LĨNH VẬT TƯ**

Đơn vị đề nghị : phân xưởng 1

Lý do lĩnh : dùng phục vụ sản xuất sản phẩm

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Xin lĩnh	Thực lĩnh		
1	HẠT PP	Kg	500			

**Người viết phiếu**

(ký, họ tên)

**Thủ kho**

(ký, họ tên)

**Người nhận**

(ký, họ tên)

**TP kỹ thuật**

(ký, họ tên)

**TP kinh doanh**

(ký, họ tên)

Kế toán xem xét phiếu đề nghị lĩnh vật tư của Phân xưởng 1, sau khi đơn đã được lãnh đạo ký duyệt thì kế toán vật tư tiến hành là thủ tục xuất kho nguyên vật liệu thông qua phiếu xuất kho.

## Khóa luận tốt nghiệp

### **Biểu số 2.6 Phiếu xuất kho số 2556**

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

Số 2 An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 02-VT

### **PHIẾU XUẤT KHO**

*Ngày 19 tháng 12 năm 2010*

Số: 2556

Nợ: TK621

Có :TK152(1)

- Họ tên người nhận hàng: Ngô Quang Hải
- Lý do xuất kho : xuất để sản xuất sản phẩm
- Xuất tại kho : vật tư

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Hạt PP	HPP	Kg	500	500		
	Cộng			500	500		

Tổng số tiền ( viết bằng chữ: .....

Xuất, ngày 19 tháng 12 năm 2010

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

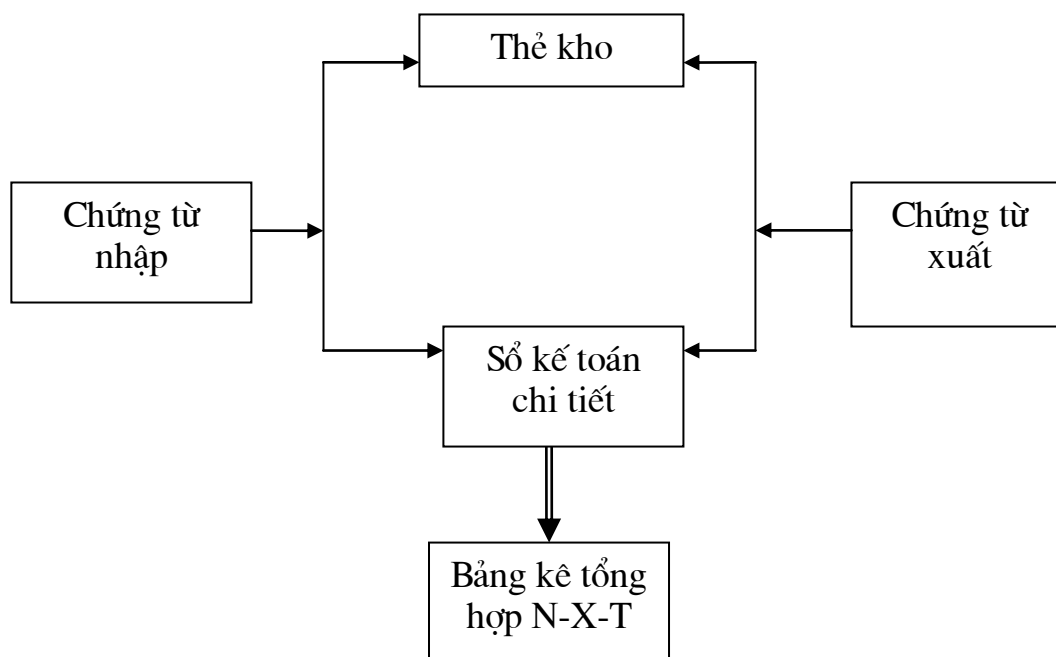
**Thủ kho**

(Ký, họ tên)

### 2.2.4. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong.

Nguyên vật liệu của Công ty chiếm một tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm đòi hỏi phải phản ánh theo dõi chặt chẽ tình hình nhập – xuất – tồn của từng loại nguyên vật liệu cả về số lượng và giá trị. Vật liệu ở Công ty rất đa dạng, các nghiệp vụ nhập, xuất diễn ra hàng ngày, do đó nhiệm vụ của kế toán chi tiết nguyên vật liệu là vô cùng quan trọng và không thể thiếu.

Kế toán chi tiết ở công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong đã lựa chọn theo phương pháp thẻ song song để quản lý tình hình biến động nguyên vật liệu



**Ghi chú:**

- :Ghi hàng ngày
- ==> :Ghi cuối tháng
- ←.....→ :Đôi chiếu kiểm tra

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong

**Tại kho:** Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn vật liệu, dụng cụ về mặt số lượng. Mỗi chứng từ nhập, xuất vật tư được ghi một dòng vào thẻ kho. Cuối tháng thủ kho phải tiến hành tổng cộng số nhập, xuất, tính ra hàng tồn kho về mặt lượng từng vật tư.

## **Khóa luận tốt nghiệp**

---

**Tại phòng kế toán:** Kế toán vật tư mở thẻ kế toán chi tiết vật tư cho từng vật tư tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Thẻ này có nội dung tương tự thẻ kho, chỉ khác là theo dõi về mặt giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho do thủ kho chuyển tới, nhân viên kế toán vật tư phải kiểm tra, đối chiếu và ghi đơn giá hạch toán vào thẻ kế toán chi tiết và tính ra số tiền. Sau đó, lần lượt ghi các nghiệp vụ nhập xuất vào các thẻ kế toán chi tiết vật tư có liên quan. Cuối tháng tiến hành cộng thẻ và đối chiếu với thẻ kho.

Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán phải căn cứ vào các thẻ kế toán chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho về mặt giá trị của từng loại vật tư. Số liệu của bảng này được đối chiếu với số liệu của phần kế toán tổng hợp.

**Ví dụ: Thẻ kho của Hạt PP**

## Khóa luận tốt nghiệp

### Biểu số 2.7 Thẻ kho

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG  
Số 2, An Đà, Ngõ Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: S12-DN  
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/12/2010

Tờ số: 305

- Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Hạt PP
- Đơn vị tính: Kg
- Mã số: HPP

STT	Ngày tháng chứng từ	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				<b>Số dư đầu kỳ:</b>				<b><u>10.000</u></b>	
1	01/12	PN 2895		Mua của Công ty Hoa Lan	01/12	1,000		11,000	
2	02/12	PN 2896		Mua của CT TNHH Cường Thịnh	02/12	500	.....	11,500	
9	09/12		PX 2543	Xuất cho sản xuất sản phẩm.	09/12		1,420	15,580	
....				.....		.....	.....	.....	
31	31/12		PX 2670	Xuất cho sản xuất sản phẩm	31/12		1,250	11,800	
				<b>Cộng PS</b>		10,000	8,200		
				<b>Số dư cuối kỳ</b>				<b><u>11,800</u></b>	

Ngày tháng năm 2010

**Thủ kho**                      **Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)                  (Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Khóa luận tốt nghiệp

### Biểu 2.8 Sổ chi tiết vật liệu

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

Số 2- An Đà - Ngô Quyền – HP

Mẫu số S10-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, CÔNG CỤ( SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)

Tháng 12 /2010

Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ( sản phẩm, hàng hoá): Hạt PP

Mã Số vật liệu, công cụ (Sản phẩm, hàng hoá):

HPP

Đơn vị tính: Kg

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		<b>Số dư đầu kỳ:</b>		33,000					<b>10,000</b>	<b>330,000,000</b>
PN 2895	01/12	Nhập kho nguyên vật liệu	112	35,000	1,000	35,000,000			11,000	365,000,000
		.....					.....		.....	
PX 2543	9/12	Xuất kho cho sản xuất sản phẩm	621				1,420		15,580	
		.....					.....			
PX 2556	19/12	Xuất cho sản xuất sản phẩm	621				500		13,450	
		.....					.....			
		<b>Cộng phát sinh tháng</b>			<b>10,000</b>	<b>370,000,000</b>	<b>8,200</b>	<b>287,000,000</b>		
		<b>Số dư cuối kỳ:</b>		<b>35,000</b>					<b>11,800</b>	<b>413,000,000</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm 2010  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## Khóa luận tốt nghiệp

### Biểu 2.9 Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG  
Số 7 An Đà Nơô Quyên Hải Phòng

**Mẫu số S11-DN**  
(Ban hành theo QDD15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

### BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN Tháng 12 năm 2010

Mã số	Mặt hàng	Đvt	Tồn đầu kỳ		Nhập		Xuất		Tồn cuối kỳ	
			Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1BPS	Bột PVC S	Kg	450,000	810,000,000	450,000	900,000,000	500,000	950,000,000	400,000	760,000,000
1BPCC	Bột trộn chống cháy	Kg			1,205	23,730,000	1,205	23,730,000		
1HPOM	Nhựa ACETAT	Kg	10,000	238,636,300			10,000	238,636,300		
<b>HPP</b>	<b>Hạt PP</b>	<b>Kg</b>	<b>10.000</b>	<b>330,000,000</b>	<b>10.000</b>	<b>370,000,000</b>	<b>8,200</b>	<b>287,000,000</b>	<b>11,800</b>	<b>413,000,000</b>
....	.....	...	....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
1AT	Axit Stearic	Kg	16,000	430,520,000			8,000	215,260,000	8,000	215,260,000
1OXK	Oxit kẽm 98%	Kg	475	14,500,000			25	764,000	450	13,736,000
1XTM	Xúc tiến M	Kg	150	7,500,000	50	2,750,000	100	5,125,000	100	5,125,000
.....	.....		.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
	<b>Cộng</b>			<b>2,550,520,000</b>		<b>3,450,567,000</b>		<b>4,860,880,470</b>		<b>1,140,206,530</b>

Người lập  
(ký, họ tên)

Ngày tháng năm 2010

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**2.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong.**

Hiện nay, công ty đang áp dụng kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp Kế khai thường xuyên. Việc xác định giá vốn thực tế của vật tư, hàng hoá được tính căn cứ trực tiếp vào các chứng từ xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

**2.3.1. Tài khoản và sổ sách sử dụng:**

*2.3.1.1: Tài khoản sử dụng:*

Nguyên vật liệu liên hệ nhiều hoạt động trong quá trình sản xuất kinh doanh, do đó bên cạnh tài khoản phản ánh nguyên vật liệu, kế toán nguyên vật liệu sử dụng rất nhiều tài khoản ở các phân hành khác nhau:

- TK 152: trong đó có 6 tài khoản cấp 2

TK 1521: Nguyên liệu, vật liệu chính

TK 1522: Vật liệu phụ

TK 1523: Nhiên liệu

TK 1524: Phụ tùng

TK 1526: Thiết bị XDCB

TK 1528: Vật liệu khác

Và có kết cấu:

- Bên Nợ : trị giá nguyên vật liệu nhập kho và tăng lên do các nguyên nhân khác.

- Bên Có : Trị giá nguyên vật liệu xuất kho và giảm do các nguyên nhân khác.

- Dư Nợ : trị giá nguyên vật liệu tồn kho.

- TK 621: phản ánh chi phí nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm.

- TK 627 : phản ánh chi phí nguyên vật liệu sử dụng chung.

- Ngoài ra còn các TK 111, TK 112, TK 141, TK 133, TK 331,

*2.3.1.2. Sổ sách sử dụng*

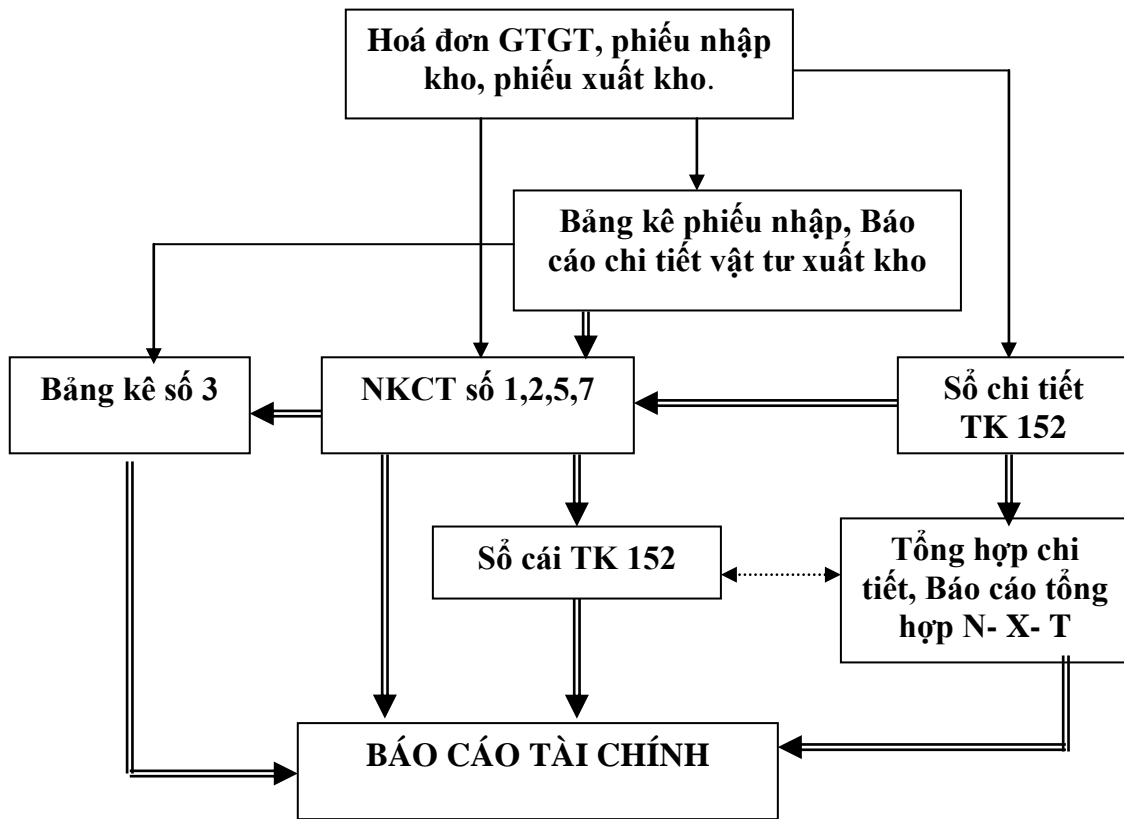
- Sổ chi tiết TK 152

- Sổ cái TK 152



2.3.2. Quy trình hạch toán:

Quy hạch toán hàng tồn kho tại Công ty cổ phần Nhựa thiếu niên Tiền Phong theo sơ đồ 2.5:



Sơ đồ 2.5: Sơ đồ quy trình hạch toán hàng tồn kho tại công ty CP Nhựa TNTP

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ gốc(Hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho,...)lập bảng kê phiếu nhập, bảng kê phiếu xuất và các chứng từ có liên quan.

- Từ bảng kê phiếu nhập,.. kế toán vào sổ chi tiết các tài khoản liên quan, Bảng kê số 3 và nhật ký chứng từ 1,2,5,7

- Cuối tháng, kế toán căn cứ vào các NKCT ghi sổ cái hàng tồn kho.

- Cuối quý, tổng hợp số liệu từ NKCT và Sổ cái tài khoản vào Báo cáo tài chính.

### **2.3.3. Kế toán tổng hợp Nhập nguyên vật liệu:**

Nguyên vật liệu của Công ty hầu hết là mua ngoài từ các công ty, xí nghiệp các bạn hàng quen. Đối với những vật tư mua lẻ, có giá trị nhỏ có thể thanh toán ngay bằng tiền mặt. Với những vật tư có giá trị lớn không thể thanh toán ngay được thì kế toán phản ánh theo dõi công nợ phải trả nhà cung cấp vật tư đến khi có đủ điều kiện thanh toán thì Công ty dùng hình thức chuyển khoản bằng tiền gửi ngân hàng để thanh toán công nợ.

Cụ thể hạch toán nguyên vật liệu nhập kho được thực hiện như sau:

#### **2.3.3.1. Trường hợp mua ngoài chưa thanh toán:**

Đây là nghiệp vụ thường xuyên phát sinh trong giai đoạn cung cấp nguyên vật liệu của công ty. Kế toán nguyên vật liệu sẽ căn cứ vào HĐ GTGT và phiếu nhập kho( đối với vật tư nhập kho) hoặc sổ theo dõi vật tư( đối với vật tư xuất thẳng) định khoản:

Nợ TK 152 : Giá trị nguyên vật liệu thực nhập

Nợ TK 133 : Thuế GTGT đầu vào

Có TK 331 : Tổng giá thanh toán

Nợ TK 621 : Giá trị nguyên vật liệu xuất thẳng

Nợ TK 133 : Thuế GTGT đầu vào

Có TK 331 : Tổng giá thanh toán

Để kế toán nghiệp vụ này công ty dùng sổ chi tiết thanh toán với người người bán tài khoản 331 và nhật ký chứng từ số 5. NKCT số 5 mở để tổng hợp tình hình thanh toán và công nợ với người cung cấp vật tư, hàng hóa. Mỗi nhà cung cấp được ghi một dòng trên NKCT số 5. Cuối tháng, kế toán khóa sổ NKCT số 5, xác định tổng phát sinh có TK 331 đối ứng TK 152 và lấy số liệu tổng cộng này để ghi vào sổ cái TK 152.

**Ví dụ :**

***Ngày 10/12 mua 1000kg hạt PP nhập kho của Công ty Cổ phần Bắc Hải Dương chưa thanh toán với giá mua chưa thuế GTGT 10% là 36,000,000đ. Theo hóa đơn GTGT số 002458.***

Căn cứ vào HĐ GTGT, phiếu nhập kho kế toán thanh toán ghi định khoản: Nợ TK 152: 36,000,000

Nợ TK 133 : 3,600,000

Có TK 331 : 39,600,000

Sau đó kế toán thanh toán ghi vào sổ chi tiết người bán và NKCT số 5.

Cuối tháng kế toán khóa sổ NKCT số 5 và chuyển cho kế toán tổng hợp để lấy tổng cộng phát sinh có TK 152 ghi vào Sổ cái TK 152.

## Khóa luận tốt nghiệp

### Biểu 2.10 Hóa đơn GTGT số 002458

<b>HÓA ĐƠN</b>		Mẫu số: 01 GTKT-3LL			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		VT/2010B			
Liên 2 : Giao cho khách hàng		002458			
Ngày 10 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Bắc Hải Dương					
Địa chỉ: 93 Bình Minh -Ngô Quyền- Hải Dương					
Số tài khoản: 25637890- Ngân hàng Á Châu -CN HD					
Điện thoại: MST : 02003409567					
Họ tên người mua hàng : Nguyễn Đình Cường					
Tên đơn vị : CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TP					
Địa chỉ: Số 2 An Đà – Ngô Quyền – Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: MST: 02001637782					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Hạt PP	Kg	1000	36,000	36,000,000
Cộng tiền hàng:					36,000,000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		3,600,000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					39,600,000
Số tiền viết bằng chữ : Ba mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	

1 Do mua hàng chưa thanh toán nên có số chi tiết người bán.

## Khóa luận tốt nghiệp

### Biểu 2.11 Sổ chi tiết người bán

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

Số 2 An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S31 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản : 331. Đối tượng : Công ty Cổ phần Bắc Hải Dương  
Tháng 12 năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ứng	đôi	Thời hạn hưởng chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ							<b>165,500,000</b>
			Số phát sinh							
01/12	HĐ GTGT 2105	01/12	Mua hạt nhựa dẻo	152	133		45,000,000			
...		.....	.....		...		4,500,000			215,000,000
05/12	UNC 12	05/12	Trả nợ người bán		112	185,000,000				125,000,000
...			.....							
10/12	HĐ GTGT 2458	10/12	Mua hạt nhựa PP	152	133		36,000,000			
.....			.....				3,600,000			258,000,000
25/12	UNC 38	25/12	Trả nợ người bán		112	145,000,000				134,000,000
.....			.....							
			<b>Cộng phát sinh</b>			<b>465,000,000</b>	<b>514,500,000</b>			
			Số dư cuối kỳ							<b>215,000,000</b>

Ngày tháng năm 2010

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Tiếp theo ta có bảng kê nhập vật tư để theo dõi tình hình nhập vật tư đồng thời theo dõi được tình hình thanh toán công nợ của Công ty.

**Khóa luận tốt nghiệp**

**Biểu 2.12 Bảng kê nhập vật tư**

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

Số 2 An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

**BẢNG KÊ NHẬP VẬT TƯ**

Ngày 31. tháng 12 năm 2010

ST T	Chứng từ		Số hóa đơn		Tên vật tư	Đơn vị bán	ĐVT	SL	Ghi nợ TK		Ghi có các TK		
	SP	NT	SP	NT					152	133	111	112	331
1	PN 2890	1/12	0034521	1/12	Hạt nhựa dẻo trong	Công ty TNHH Hoàng Hải	Kg	125	3,250,000	325,000	3,575,000		
....					.....				.....				
5	PN 2896	2/12	0023455	2/12	Hạt PP	Công ty TNHH Cường Thịnh	Kg	500	15,000,000	1,500,000	16,500,000		
....					.....								
10	PN 2901	10/12	0023675	10/12	Hạt pp	Công ty CP Bắc Hải Dương	Kg	1,000	36,000,000	3,600,000			39,600,000
....					.....				.....		.....	.....	.....
30	PN 2920	30/12	0056234	30/12	Phoi đồng	Công ty Cổ phần vật liệu điện Đức Tiến	Kg	500	20,000,000	2,000,000		22,000,000	
...					.....	.....							
					<b>Cộng</b>				<b>3,450,567,000</b>	<b>345,056,700</b>	<b>93,560,000</b>	<b>2,345,678,000</b>	<b>1,356,385,700</b>

**Người lập**  
(Ký họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

## Khóa luận tốt nghiệp

**Biểu 2.13 Nhật ký chứng từ số 5**  
**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG**  
 Số 2- An Đà- Ngô Quyền – HP

**Mẫu số S04a5-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

### NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 5

Ghi có TK: 331- Phải trả cho người bán  
 Tháng 12 năm 2010

STT	Tên đơn vị	Số dư đầu tháng		Ghi có TK 331, Ghi nợ các TK				Theo dõi thanh toán			Số dư cuối tháng	
		Nợ	Có	TK 152	TK 133	....	Cộng có TK 331	TK 112	....	Cộng nợ TK 331	Nợ	Có
	.....											
3	Công ty TNHH Cường Thịnh		120,345,000	136,000,000	13,600,000		139,600,000	120,000,000	.....	160,000,000		109,945,000
4	Công ty Cổ phần vật liệu điện Đức Tiến		230,567,800	120,000,000	12,000,000	....	230,890,000	15,000,000	.....	190,500,000		270,957,800
5	<b>Công ty Cổ phần Bắc Hải Dương</b>		<b>165,500,000</b>	450,000,000	45,000,000	....	<b>514,500,000</b>	465,000,000		<b>465,000,000</b>		<b>215,000,000</b>
	.....		....									
	Cộng		671,980,000	1,233,077,910	123,307,790	....	1,890,679,000	790,345,000	.....	2,060,700,000		501,959,000

**Người ghi sổ**  
 ( Ký, họ tên )

**Kế toán tổng hợp**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**2.3.3.2. Trường hợp mua bằng tiền mặt:**

- Việc dùng tiền mặt để mua nguyên vật liệu và thanh toán chi phí vận chuyển.... cũng thường xuyên xảy ra trong doanh nghiệp.

- Khi phát sinh nghiệp vụ mua nguyên vật liệu trực tiếp thanh toán bằng tiền mặt, thủ quỹ thực hiện các nghiệp vụ chi tiền mặt mua nguyên vật liệu, ghi sổ quỹ hàng ngày lập báo cáo quỹ chuyên cho phòng kế toán kèn theo tất cả các chứng từ chi làm cơ sở ghi vào sổ kế toán.

- Kế toán nguyên vật liệu căn cứ vào HĐ GTGT cước vận chuyển và phiếu nhập kho để ghi vào sổ chi tiết vật liệu.

- Kế toán thanh toán căn cứ vào HĐ GTGT, phiếu chi, phiếu nhập kho để ghi định khoản :

Nợ TK 152 : Giá trị NVL, CCDC thực tế nhập

Nợ TK 133 : Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111: Tổng giá thanh toán

- Sau đó kế toán thanh toán sẽ ghi NKCT số 1 “ ghi có TK 111”.

Cuối tháng kế thanh toán khóa sổ NKCT số 1 sau đó chuyển cho kế toán tổng hợp, kế toán tổng hợp sẽ lấy tổng cộng phát sinh có TK 111 đối ứng phát sinh nợ TK 152, để ghi vào sổ cái TK 152.

Căn cứ vào HĐ GTGT, phiếu chi, phiếu nhập kho kế toán thanh toán ghi vào cột “ ghi có TK 111, ghi nợ các TK khác”, cột “ cộng có TK 111 ” được cộng theo từng dòng sau đó cộng tất cả các dòng thì được “tổng cộng có của TK111” từng tháng.

***Ví dụ: Mua hàng thanh toán bằng tiền mặt ngày 2/12 theo HĐ GTGT và phiếu chi( Biểu 2.1 và biểu 2.4)***

Kế toán thanh toán căn cứ vào HĐ GTGT và lập phiếu chi theo định khoản

Nợ TK 152: 15,000,000

Nợ TK 133: 1,500,000

Có TK 111: 16,500,000

Sau đó căn cứ vào HĐ GTGT, phiếu chi, phiếu nhập kho kế toán ghi vào NKCT số 1.



## Khóa luận tốt nghiệp

### Biểu số 2.14 Nhật ký chứng từ số 1

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

Số 2- An Đà – Ngô Quyền – HP

Mẫu số S04a1-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

### NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1

Ghi có Tài khoản 111-tiền mặt

Tháng 12 năm 2010

STT	Ngày	Nợ 112	Nợ 133	.....	Nợ 152	.....	Nợ 6428	Cộng Có TK111
1	1/12/2010	50,000,000		.....		.....		150,050,000
2	2/12/2010	.....	1,500,000	.....	15,000,000	....	19,000,000	68,000,000
	.....	....	.....					
6	6/12/2010	150,000,000	8,900,000	.....	19,000,000	.....	20,000,000	209,000,000
	.....							
24	24/12/2010	.....	450,000	.....	18,980,000	....	15,900,000	46,370,000
	.....							
31	31/12/2010	90,000,000	9,000,000	.....	.....		15,980,000	245,000,000
	<b>Cộng</b>	<b>350,000,000</b>	<b>78,900,000</b>	<b>.....</b>	<b>85,054,545</b>	<b>.....</b>	<b>150,980,000</b>	<b>1,234,980,000</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

### **2.3.3.3 Trường hợp mua bằng tiền gửi ngân hàng:**

Ngày nay khi việc thanh toán qua hệ thống ngân hàng trở nên phổ biến và thuận lợi cũng như an toàn cho việc thanh toán tiền hàng, Công ty áp dụng việc thanh toán tiền hàng thông qua chuyển khoản trực tiếp.

Việc thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng chỉ áp dụng đối với các lô hàng có giá trị lớn( từ hai mươi triệu trở lên).

Kế toán ngân hàng căn cứ vào HĐ GTGT, phiếu nhập kho, Ủy nhiệm chi (UNC) và Giấy báo nợ ( GBN) của ngân hàng ghi định khoản:

Nợ TK 152: Giá trị nguyên vật liệu nhập kho

Nợ Tk 133: thuế GTGT đầu vào

Có TK 112 : tổng giá thanh toán.

Sau đó ghi vào NKCT số 2 “ ghi có Tk 112”

Cuối tháng khóa sổ NKCT số 2 sau đó chuyển cho kế toán tổng hợp, kế toán tổng hợp sẽ lấy tổng cộng số phát sinh có TK 112 đối ứng với Nợ TK 152 để ghi vào sổ cái TK 152.

***Ví dụ. Ngày 20/12/2010 mua 2000kg Hạt PP của Công ty TNHH Cường Thịnh thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng với giá trị chưa thuế GTGT là 76,000,000***

Có Hóa đơn GTGT

## Khóa luận tốt nghiệp

### Biểu 2.15 Hóa đơn GTGT số 0023700

<b>HÓA ĐƠN</b>		Mẫu số: 01 GTKT-3LL			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		VT/2010B			
Liên 2 : Giao cho khách hàng		0023700			
Ngày 20 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY TNHH CƯỜNG THỊNH</b>					
Địa chỉ: <b>32 Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền- HP</b>					
Số tài khoản: <b>28388239- Ngân hàng TM Á Châu-CN HP</b>					
Điện thoại:		MST : 0200552449			
Họ tên người mua hàng : <b>Nguyễn Đình Cường</b>					
Tên đơn vị : <b>CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TP</b>					
Địa chỉ: <b>Số 2 An Đà – Ngô Quyền – Hải Phòng</b>					
Số tài khoản: <b>28954578</b>					
Hình thức thanh toán: <b>tiền gửi ngân hàng</b>		MST: 02001637782			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Hạt PP	Kg	2000	38,000	76,000,000
Cộng tiền hàng:					76,000,000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		7,600,000
Tổng cộng tiền thanh toán:					83,600,000
Số tiền viết bằng chữ : Tám mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn.					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	

## **Khóa luận tốt nghiệp**

Khi nhận được HĐ GTGT kế toán ngân hàng viết Ủy nhiệm chi đồng thời là Giấy báo nợ của ngân hàng.

### **Biểu 2.16 Ủy nhiệm chi số 35**

<b>ỦY NHIỆM CHI SỐ 35/12</b>		
<b>CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THƯ, ĐIỆN    Lập ngày 20/12/2010</b>		
<b>Tên đơn vị trả tiền:</b> Công ty Cp Nhựa thiếu niên Tiền Phong	<b>PHẦN DO NH GHI</b>	
<b>Số tài khoản:</b> 28954578	<b>TÀI KHOẢN NỢ</b>	
<b>Tại ngân hàng:</b> Cổ phần Quân đội . Tỉnh, TP: Hải Phòng	<b>TÀI KHOẢN CÓ</b>	
<b>Tên đơn vị nhận tiền :</b> Công ty TNHH Cường Thịnh		
<b>Số tài khoản:</b> 28388239	<b>SỐ TIỀN BẰNG SỐ</b> <b>83,600,000</b>	
<b>Tại ngân hàng :</b> TM Á Châu . Tỉnh , TP : Hải Phòng		
<b>Số tiền bằng chữ :</b> Tám mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn		
<b>Nội dung thanh toán:</b> Công ty trả tiền mua nguyên vật liệu( hạt PP) theo Hóa đơn GTGT số0023700		
<b>Đơn vị trả tiền</b>	<b>Ngân hàng A</b>	<b>Ngân hàng B</b>
Kế toán Chủ tài khoản	Ghi sổ ngày ...	Ghi sổ ngày.....
Kế toán	Trưởng phòng kế toán	Kế toán Trưởng phòng kế toán

Căn cứ vào phiếu nhập kho kế toán ngân hàng định khoản:

Nợ Tk 152 : 76,000,000

Nợ TK 133 : 7,600,000

Có TK 112 : 83,600,000

Sau đó ghi vào NKCT số 2. Cuối tháng kế toán ngân hàng khóa sổ NKCT số 2 và chuyển cho kế toán tổng hợp.

**Khóa luận tốt nghiệp**

**Biểu 2.17 Nhật ký chứng từ số 2**

**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG**  
Số 2 An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

**Mẫu số S04a2-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2**

Tháng 12 năm 2010

STT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 112, Ghi nợ các TK khác					Cộng có TK 112
	Số hiệu	Ngày tháng		111	133	152	331	.....	
...	.....	.....							
5	UNC 12	05/12	Trả nợ người bán				185,000,000	.....	678,090,000
6	UNC 13	06/12	Rút TGNH nhập quỹ	50,000,000					450,000,000
.....			.....						
20	UNC 35	20/12	Mua nguyên vật liệu		7,600,000	76,000,000	.....	.....	345,000,000
.....			.....				.....		
25	UNC 38	25/12	Trả nợ người bán				145,000,000		567,123,000
...	.		.....						
			Cộng	<b>450,000,000</b>	<b>213,243,455</b>	<b>2,132,434,545</b>	<b>790,345,000</b>	.....	<b>3,789,500,000</b>

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.3.3.4. Trường hợp mua bằng tiền tạm ứng:**

Định khoản: Nợ TK 152: trị giá nguyên vật liệu nhập kho

Nợ TK 133 : thuế GTGT đầu vào

Có TK 141 : tổng giá thanh toán

Trường hợp mua ngoài thanh toán bằng tạm ứng cũng tương tự như mua ngoài thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng hay tiền mặt. Khi tạm ứng cho nhân viên đi mua ngoài, căn cứ vào giấy đề nghị tạm ứng, phiếu chi tiền, báo cáo quỹ. Kế toán ghi vào sổ chi tiết TK 141. Sổ chi tiết này được mở cho từng năm và mỗi đối tượng tạm ứng được phản ánh trên một trang, mỗi nghiệp vụ tạm ứng được phản ánh trên 1 dòng.

**2.3.4. Kế toán tổng hợp Xuất nguyên vật liệu:**

Nguyên vật liệu của công ty được xuất để sản xuất sản phẩm là chủ yếu. Ngoài ra nguyên vật liệu còn được xuất để phục vụ công tác quản lý. Các chứng từ xuất kho được phân loại theo từng đơn vị đặt hàng.

Để theo dõi chi phí cho từng bộ phận với nhu cầu khác nhau (sản xuất trực tiếp, sản xuất chung) kế toán sử dụng các tài khoản chi phí để phản ánh, thông thường nguyên vật liệu xuất :

- Trực tiếp cho sản xuất sản phẩm được tập hợp vào Tài khoản 621.
- Nếu cho sản xuất chung của phân xưởng được tập hợp vào Tài khoản 627.
- Ngoài ra còn phục vụ công tác bán hàng (tài khoản 641), công tác quản lý doanh nghiệp (tài khoản 642)

***Quy trình hạch toán:***

Cuối tháng dựa trên Bảng kê xuất vật tư, kế toán nguyên vật liệu sẽ tính được trị giá vật liệu thực tế xuất dùng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của Công ty sau đó kế toán sẽ định khoản và ghi vào sổ số tiền chi phí vật liệu xuất dùng chuẩn bị cho việc lập bảng phân bổ nguyên vật liệu.

Bảng phân bổ nguyên vật liệu phản ánh giá trị thực tế của vật liệu được phân bổ vào các đối tượng sử dụng.

Các hàng ngang phản ánh đối tượng sử dụng vật liệu, các cột dọc phản

ánh trị giá vật liệu xuất dùng theo thực tế.

- Căn cứ vào phiếu xuất kho đã được phân loại theo từng đối tượng sử dụng đối chiếu với báo cáo sử dụng vật tư tại các phân xưởng đưa lên để lấy số liệu thực sử dụng, số liệu này được ghi vào TK 621, 627, 641, 642 từ đó ghi vào Nhật ký chứng từ số 7.

- Nhật ký chứng từ số 7 phản ánh toàn bộ số phát sinh có của các tài khoản có liên quan tới chi phí sản xuất kinh doanh.

Căn cứ vào bảng phân bổ vật liệu, các chứng từ khác có liên quan kế toán ghi vào NKCT số 7.

Lập bảng kê số 3 phải căn cứ vào:

NKCT số 1: phân ghi có cho TK 111 Nợ TK 152

NKCT số 2: phân ghi có cho TK 112 Nợ TK 152

NKCT số 5: phân ghi có cho TK 331 Nợ TK 152

Căn cứ vào NKCT số 7.

## Khóa luận tốt nghiệp

### Biểu 2.18 Bảng phân bổ nguyên vật liệu

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG  
Số 2 An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số 07-VT  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

### BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2010

STT	Ghi có các TK Đối tượng sử dụng	TK 152
1	2	3
1	<b>TK 621- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp</b>	<b>4,390,447,470</b>
	Phân xưởng 1	1,346,876,900
	Phân xưởng 2	923,450,100
	Phân xưởng 3	869,302,200
	Phân xưởng 4	568,120,450
	Phân xưởng 5	682,697,820
2	<b>TK 627- Chi phí sản xuất chung</b>	<b>190,750,000</b>
	Phân xưởng 1	62,796,000
	Phân xưởng 2	34,903,500
	Phân xưởng 3	40,230,400
	Phân xưởng 4	42,010,300
	Phân xưởng 5	10,809,800
3	<b>TK 641- Chi phí bán hàng</b>	<b>183,560,000</b>
4	<b>TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>96,123,000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)



**Khóa luận tốt nghiệp**

**Biểu số: 2.19 Bảng kê xuất vật tư**

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

Số 2 – An Đà- Ngô Quyền – Hải Phòng

**BẢNG KÊ XUẤT VẬT TƯ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chứng từ		Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Ghi có TK	Ghi nợ TK			
SP	NT					TK 152	TK 621	TK 627	TK 641	TK 642
1	1/12	Bột PVC	Kg	3,450	20,000	69,000,000	69,000,000	.	.....	
		.....				.....				
4	9/12	Hạt PP	Kg	1,420	35,000	49,700,000	49,700,000		.....	...
		.....								
9	19/12	Phoi đồng	Kg	4,500	40,000	180,000,000	180,000,000	.	.....	
10	20/12	Nhựa dẻo	Kg	150	25,000	3,750,000		3,750,000	.....	...
		.....								
		<b>Cộng</b>				<b>4,860,880,470</b>	<b>4,390,447,470</b>	<b>190,750,000</b>	<b>183,560,000</b>	<b>96,123,000</b>

**Kế toán**  
(ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(ký, họ tên)

**Khóa luận tốt nghiệp**

**Biểu 2.20 Nhật ký chứng từ số 7**  
**CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG**  
 Số 2- An Đà - Ngô Quyền – Hải Phòng

**Mẫu số S04a7-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 7**

Phần I: Tập hợp chi phí sản xuất, kinh doanh toàn doanh nghiệp

STT	TK ghi có		152	.....	NKCT số 1	NKCT số 2	NKCT Số 5	Tổng cộng cp
	TK ghi nợ	.....						
...	.....	.....	.....	.....				
	621	....	<b>4,390,447,470</b>					<b>4,390,447,470</b>
	627	....	<b>190,750,000</b>					<b>190,750,000</b>
	641	....	<b>183,560,000</b>					<b>183.560,000</b>
	642	.....	<b>96,123,000</b>		150,980,000			<b>96,123,000</b>
	Cộng A	.....	<b>4,860,880,470</b>					<b>4,860,880,470</b>
	152	.....			85,054,545	2,132,434,525	1,233,077,910	<b>3,450,567,000</b>
	111	.....				450,000,000		<b>579,520,000</b>
	112	.....			350,000,000			<b>540,050,000</b>
	.....							
	Cộng B				1,234,980,000	3,789,500,000	1,890,679,000	<b>6,341,510,000</b>

Ngày tháng năm 2010

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán tổng hợp**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

## Khóa luận tốt nghiệp

### Biểu số 2.21 Bảng kê số 3

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

Số 2, An Đà, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S04b3-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

### BẢNG KÊ SỐ 3 Tháng 12 năm 2010

STT	Chỉ tiêu	TK 152
<b>1</b>	<b>Số đầu kỳ</b>	<b>2,550,520,000</b>
<b>2</b>	<b>Số phát sinh trong kỳ</b>	<b>3,450,567,000</b>
3	NKCT số 1( ghi có TK 111)	85,054,545
4	NKCT số 2( ghi có TK 112)	2,132,434,545
5	NKCT số 5(ghi có TK 331)	1,233,077,910
6	NKCT số 6(ghi có TK 151)	.....
7	NKCT số 7( ghi có Tk 152)	.....
8	NKCT số 10( ghi ó TK 141)	.....
<b>9</b>	<b>Cộng số dư và phát sinh</b>	<b>6,001,087,000</b>
<b>10</b>	<b>Xuất dùng trong kỳ</b>	<b>4,860,880,470</b>
<b>11</b>	<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1,140,206,530</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm 2010  
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**Khóa luận tốt nghiệp**

**Biểu 2.22`Số cái TK 152**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG**

Số 2 An Đà - Ngô Quyền – Hải Phòng

**Mẫu số S05-DN**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

<b>Số dư đầu năm</b>	
<b>Nợ</b>	<b>Có</b>
<b>127,836,391</b>	

**SỔ CÁI**  
**Tài khoản 152**

<b>TK đối ứng</b>	<b>Tháng 01</b>	<b>Tháng 02</b>	<b>.....</b>	<b>Tháng 11</b>	<b>Tháng 12</b>	<b>Cộng</b>
NKCT số 1(111)	34,980,500	56,458,900		78,950,000	85,054,545	916,250,000
NKCT số 2( 112)	179,880,000	123,789,000		340,500,000	2,132,434,545	5,234,560,000
.....	.....	.....		.....		.....
NKCT số 5(331)	689,170,450	534,120,000		490,034,690	1,233,077,910	4,345,786,000
.....	.....	.....		.....		.....
.....	.....	.....		.....		.....
<b>Cộng PS Nợ</b>	<b>987,340,450</b>	<b>895,800,000</b>		<b>1,968,750,000</b>	<b>3,450,567,000</b>	<b>8,678,034,000</b>
<b>Cộng PS Có</b>	<b>478,120,300</b>	<b>560,500,000</b>		<b>675,345,000</b>	<b>4,860,880,470</b>	<b>7,665,663,861</b>
<b>Dư nợ cuối</b>	<b>637,056,541</b>	<b>972,356,541</b>		<b>2,550,520,000</b>	<b>1,140,206,530</b>	<b>1,140,206,530</b>

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán tổng hợp**  
(Ký, họ tên)

Ngày.. Tháng 12 năm 2010

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC  
CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU Ở CÔNG TY CỔ PHẦN  
NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

**3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ  
Phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong :**

Công ty cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất với sản phẩm chủ yếu là các sản phẩm nhựa dân dụng có kích thước, hình dạng rất đa dạng. Do đó, công tác quản lý là điều hết sức quan trọng, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu vì nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất, có ảnh hưởng lớn đến chất lượng công trình cũng như hình thức của sản phẩm. Công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng của Công ty đang ngày càng được củng cố và hoàn thiện hơn, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng hiện nay.

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức phù hợp với trình độ và khả năng chuyên môn của từng người. Nhìn chung, công tác kế toán nguyên vật liệu cơ bản đã đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán mới ban hành với hệ thống sổ sách kế toán tương đối đầy đủ, chi tiết và rõ ràng.

Sau thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong, được tìm hiểu công tác hạch toán kế toán ở công ty và đi sâu vào nghiên cứu công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu em thấy Công ty đã phát huy được nhiều mặt mạnh mẽ và thể hiện được những ưu điểm sau:

**3.1.1. Ưu điểm :**

*Về tổ chức bộ máy kế toán Công ty.*

Hiện nay, Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong áp dụng hình thức tổ chức kế toán tập trung. Sự thống nhất trong tổ chức bộ máy kế toán giúp cho kế toán trưởng Công ty nắm bắt được công việc của các kế toán viên và các kế toán đơn vị trực thuộc một cách kịp thời. Với đội ngũ nhân viên kế toán, hệ thống kế toán của Công ty được tổ chức một cách gọn nhẹ và tương đối hoàn chỉnh, công tác kế toán gần như được chuyên môn hoá cao. Các phần hành kế

## **Khóa luận tốt nghiệp**

---

toán được phân công rõ ràng cho từng kế toán viên, có sự kết hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các phân hành kế toán với nhau đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp ghi chép. Do đó, sổ sách kế toán dễ kiểm tra, đối chiếu, kịp thời phát hiện sai sót và sửa chữa. Đội ngũ kế toán viên năng động, sáng tạo, có kinh nghiệm. Đây là một lợi thế của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác kế toán và công tác quản lý kinh tế của toàn xí nghiệp.

*Về tổ chức chứng từ, tài khoản sử dụng, sổ sách kế toán áp dụng.*

*- Hệ thống chứng từ:*

Chứng từ được tổ chức hợp lệ, đầy đủ theo chế độ của Bộ Tài chính ban hành. Việc tập hợp chứng từ ở các phân xưởng chuyển về phòng kế toán xí nghiệp theo định kỳ hàng tháng phù hợp với đặc điểm sản xuất. Công tác tập hợp, kiểm tra, lưu trữ chứng từ được dễ dàng, nhanh chóng, việc quản lý chứng từ rất chặt chẽ giúp cho lãnh đạo Công ty quản lý tình hình tài chính, trách nhiệm của từng cá nhân trong từng khâu luân chuyển chứng từ được rõ ràng, cụ thể:

*- Tài khoản sử dụng:*

Hệ thống Tài khoản của công ty phù hợp với quy định của Bộ Tài chính ban hành. Đồng thời Công ty cũng cập nhật và vận dụng kịp thời những thay đổi trong hệ thống Tài khoản theo các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, việc mở chi tiết các Tài khoản phục vụ có hiệu quả trong việc hạch toán

*- Sổ sách kế toán*

Các loại sổ được áp dụng theo mẫu chung tạo thành sự thống nhất trong sổ kế toán. Số liệu phản ánh trong các sổ kế toán được minh chứng bằng hệ thống chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo nguyên tắc khách quan.

Ngoài hệ thống sổ theo quy định Nhật ký – Chứng từ, sổ chi tiết, sổ cái Công ty còn có một số sổ phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp cũng như quản lý những đối tượng kế toán phức tạp như: Sổ theo dõi luân chuyển hàng nội bộ giữa các kho; Sổ theo dõi hàng tồn kho theo từng loại vật tư- công cụ mua, từng loại giá mua .

### *- Về phương pháp tính giá NVL*

Hiện nay, Công ty đang áp dụng phương pháp tính giá Nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Đây là phương pháp tỏ ra hiệu quả nhất so với các phương pháp tính giá NVL xuất kho trong điều kiện sản xuất của Công ty. Nhất là khi giá cả vật liệu có xu hướng tăng thì áp dụng phương pháp này công ty có mức lãi nhiều hơn so với các phương pháp khác.

### *- Về tổ chức công tác kế toán NVL*

Để tiến hành hạch toán tổng hợp NVL Công ty đã lựa chọn phương pháp kê khai thường xuyên. Đây là phương pháp theo dõi phản ánh thường xuyên, liên tục có hệ thống về tình hình nhập, xuất, tồn kho vật liệu trên sổ kế toán, do đó góp phần thuận lợi cho công tác hạch toán nguyên vật liệu.

Kế toán chi tiết vật liệu tại Công ty theo phương pháp Thẻ song song là khoa học, hợp lý, giúp cho kế toán tổng hợp theo phương pháp kê khai thường xuyên thuận lợi và chính xác. Đồng thời giúp tập hợp chi phí được chi tiết là cơ sở hạch toán giá thành. Theo dõi chi tiết từng kho tiết kiệm thời gian ghi chép, khối lượng ghi chép chứng từ sổ sách rõ ràng, thuận tiện kiểm tra và đối chiếu giữa thủ kho với kế toán vật tư và các phân hành kế toán khác.

### *- Về công tác tổ chức quản lý và sử dụng NVL.*

- *Ở khâu thu mua:* Công ty đã tổ chức được đội ngũ cán bộ chuyên thu mua nguyên vật liệu. Mỗi người được phân công một số loại vật tư nhất định nào đó. Do đó, việc quản lý chứng từ, hoá đơn về thu mua cũng rất hợp lý, thuận tiện đồng thời cung cấp đầy đủ kịp thời nguyên vật liệu cho sản xuất đúng kế hoạch.

- *Ở khâu dự trữ, bảo quản:* công ty đã xác định lượng vật tư dự trữ nhằm vừa đảm bảo cho sản xuất, vừa không gây ứ đọng vốn kinh doanh. Hệ thống kho tàng được bố trí đầy đủ các phương án bảo vệ nghiêm ngặt khắc phục được tình trạng thất thoát NVL.

- *Ở khâu sử dụng:* Nhu cầu sử dụng NVL ở các phân xưởng đều được phòng kế toán vật tư kiểm tra, xét duyệt trên cơ sở nhiệm vụ sản xuất.

Có thể thấy tổ chức kế toán nguyên vật liệu của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu

## **Khóa luận tốt nghiệp**

---

Niên Tiên Phong được thực hiện khá hiệu quả, đảm bảo theo dõi được tình hình biến động của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

### **3.1.2. Những tồn tại:**

Bên cạnh những ưu điểm đã nêu trên, trong việc hạch toán nguyên vật liệu của công ty cũng không tránh khỏi những nhược điểm mà nếu được khắc phục và hoàn thiện, thì sẽ góp phần làm cho công tác kế toán nói chung và kế toán NVL nói riêng được tốt hơn...

*Việc phân loại nguyên vật liệu.*

Khối lượng nguyên vật liệu trong công ty là rất lớn bao gồm nhiều loại. Mỗi loại đều có những tính chất, công dụng quy cách khác nhau.

Do đó, việc phân loại vật liệu một cách có khoa học là rất cần thiết. Tuy nhiên, công việc này trong Công ty chưa đạt được những hiệu quả như yêu cầu. Do Công ty chưa lập sổ danh điểm vật tư để sắp xếp các loại vật liệu, công cụ dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý.

*Về việc hạch toán tổng hợp nhập vật liệu*

Đối với vật liệu mua ngoài trong tháng trường hợp hóa đơn về nhưng hàng chưa về, kế toán không sử dụng TK 151 “ hàng mua đang đi đường ” để theo dõi trên NCKT số 5 phân theo dõi thanh toán. Có nghĩa là Công ty không phản ánh nghiệp vụ này mà chờ hàng về mới phản ánh. Như vậy thông tin về hàng tồn kho của Công ty vào thời điểm cuối tháng sẽ không chính xác trong khi hàng đang đi đường đó.

*Về việc đào tạo cán bộ sử dụng máy tính.*

Trong đội ngũ cán bộ vẫn còn tồn tại số ít những người còn hạn chế về năng lực cũng như chuyên môn nghiệp vụ, còn thụ động trong công việc, chưa đáp ứng được và theo kịp yêu cầu đòi hỏi của Công ty.

### **3.1.3 Nguyên nhân của những tồn tại**

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới một số tồn tại nói trên trong công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiên Phong trong đó bao gồm một số các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Thứ nhất, do thói quen của các cán bộ nhân viên Phòng tài chính kế toán



## **Khóa luận tốt nghiệp**

---

tại Công ty. Tính đến nay, Công ty đã trải qua một quá trình phát triển lâu dài, do đó những nếp nghĩ, nếp làm ăn sâu vào tác phong làm việc của nhân viên.

- Thứ hai, do kỹ năng sử dụng tin học văn phòng của nhân viên còn hạn chế nên công việc thường xuyên bị ứ đọng vào cuối tháng cuối năm.

- Thứ ba, các nghiệp vụ kế toán tại Công ty rất nhiều mà hệ thống máy vi tính còn chưa được nâng cao về cấu hình nên cũng góp phần làm cho công việc kế toán chậm chễ.

### **3.2. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện**

#### **3.2.1. Yêu cầu hoàn thiện.**

Từ thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong cho thấy công tác kế toán nguyên vật liệu cần được hoàn thiện hơn trong cơ chế quản lý mới.

Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu cần đảm bảo những yêu cầu sau:

- Cung cấp thông tin về tình hình biến động của nguyên vật liệu một cách trung thực khách quan.

- Số liệu phải đảm bảo tính kịp thời chính xác

- Số liệu đảm bảo tính minh bạch công khai rõ ràng

- Đảm bảo tiết kiệm thiết thực khả thi.

#### **3.2.2 Nguyên tắc hoàn thiện**

Hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu với riêng là một trong những vấn đề hết sức phức tạp, vừa có ý nghĩa lý luận vừa có ý nghĩa thực tiễn trong công tác quản lý nói chung và trong công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng. Vì vậy để đáp ứng yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu ở Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong dựa trên các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc khả thi : nguyên tắc này đảm bảo doanh nghiệp có thể thực hiện được và tuân thủ các quy định, chính sách pháp luật của nhà nước.

- Nguyên tắc hiệu quả: chi phí bỏ ra để thực hiện giải pháp hoàn thiện phải mang lại hiệu quả tốt hơn khi chưa bỏ ra chi phí.

**3.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ Phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong.**

**3.3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu :**

Trải qua quá trình phát triển và đổi mới sâu sắc theo cơ chế thị trường hơn thập kỷ qua, kế toán Việt Nam đã không ngừng được hoàn thiện và phát triển, góp phần tích cực vào việc tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế tài chính. Trong đó hạch toán kế toán góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng quản lý Tài chính quốc gia và quản trị doanh nghiệp.

Việc hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán nguyên vật liệu sẽ giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao lợi nhuận. Cũng như nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng với đặc điểm chi phí NVL chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí cũng như giá thành sản phẩm. Vì vậy mà việc nghiên cứu, đưa ra các biện pháp để hoàn thiện công tác kế toán NVL là vô cùng cần thiết và việc hoàn thiện này phải tuân theo những yêu cầu sau:

- Hoàn thiện công tác kế toán trước hết phải phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hệ thống kế toán ban hành bắt buộc các doanh nghiệp phải áp dụng, nhưng được quyền vận dụng trong một phạm vi nhất định phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp để mang lại hiệu quả cao nhất.

- Các biện pháp hoàn thiện phải được xây dựng trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán hiện hành. Tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý tại đơn vị mình, không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ, nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng chế độ hiện hành về quản lý tài chính của nhà nước.

- Kế toán là khoa học thu nhận, xử lý thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của các nhà quản trị doanh nghiệp. Do vậy các thông tin kế toán đưa ra phải chính xác kịp thời phù hợp yêu cầu, giúp cho các nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn, đạt kết quả tối ưu, đây là yêu cầu không thể thiếu trong công tác kế toán.

- Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo hài hoà mối quan hệ giữa chi phí và lợi nhuận đạt được mục tiêu tối thiểu hoá chi phí, tối đa hoá lợi nhuận.

### **3.3.2. Một số giải pháp đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong.**

Qua thời gian thực tập tại Công ty, tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của công ty cũng như tổ chức công tác kế toán em có một số biện pháp nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán NVL tại Công ty. Dưới đây là một số biện pháp em xin đề xuất:

#### ***Biện pháp 1. Lập sổ danh điểm vật liệu.***

Hiện nay chủng loại NVL tại công ty rất đa dạng nên việc kiểm tra đối chiếu hạch toán, tính giá NVL gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, để thuận lợi hơn trong việc theo dõi, quản lý, kiểm tra từng loại vật liệu một cách hệ thống và khoa học, theo em công ty nên xây dựng hệ thống sổ danh điểm nguyên vật liệu. Sổ danh điểm vật liệu là sổ danh mục tập hợp tài liệu các loại NVL mà công ty đã và đang sử dụng. Trong sổ danh điểm vật liệu được theo dõi từng loại, từng nhóm quy cách nguyên vật liệu một cách chặt chẽ sẽ giúp cho công tác quản lý và hạch toán NVL ở công ty được thống nhất.

Sổ này thống nhất về tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, quy cách, đơn vị tính của từng thứ NVL. Công ty có thể xây dựng bộ mã vật liệu mẫu sổ danh điểm vật tư sau:

## Khóa luận tốt nghiệp

**Biểu số 3.1: Sổ danh điểm vật tư**

### SỔ DANH ĐIỂM VẬT TƯ

Ký hiệu		Tên, quy cách , chủng loại vật tư	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
Nhóm	Danh điểm NVL, CCDC				
<b>1521</b>	<b>Nguyên vật liệu chính</b>				
1521 BH		Bột hạt nhựa			
	1521 – BPS	Bột PVC S	Kg		
	1521 _BPT	Bột PVC trộn ống	Kg		
	.....	.....			
1521 –HC		Hóa chất			
	1521 _ AT1	Axit stearic	Kg		
	1521 _ AT 3	Alube	Kg		
	.....	.....			
<b>1522</b>	<b>Nguyên vật liệu phụ</b>				
1522 – PL					
	1522 – PL NH	Phụ liệu nong hàn	Kg		
	1522 _ PL TO	Phụ liệu trộn ống	Kg		
	.....	.....			
<b>1523</b>	<b>Nhiên liệu</b>				
	1523 _ D	Dầu	Lít		
	.....	.....			

***Giải pháp 2: Hoàn thiện công tác kiểm kê NVL***

Kiểm kê NVL là công việc cần thiết để bảo vệ an toàn cho NVL và phát hiện kịp thời những sai sót và vi phạm trong quản lý sử dụng vật liệu.

Tuy nhiên ở công ty, việc kiểm kê NVL chưa được diễn ra thường xuyên. Vì vậy công tác kiểm kê NVL phải được tiến hành định kỳ, ít nhất một năm hai lần để kịp thời phát hiện và xử lý chênh lệch giữa số tồn kho thực tế và số tồn trên sổ sách.

Trước khi tiến hành kiểm kê NVL công ty cần lập hội đồng kiểm kê nguyên vật liệu gồm: nhân viên phòng vật tư và kế toán vật tư. Khi tiến hành kiểm kê phải thực hiện cân đo, đong đếm NVL bằng các dụng cụ và phương tiện thích hợp nhằm xác định được số lượng tồn kho của từng loại NVL, đánh giá lại giá trị trên sổ kế toán và số liệu trên thực tế.

Kết thúc quá trình kiểm kê, trưởng ban kiểm kê lập biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá, xác định số chênh lệch thừa hoặc thiếu so với sổ sách và tìm nguyên nhân dẫn tới sự chênh lệch đó. Biên bản kiểm kê sẽ làm căn cứ để kế toán hạch toán kết quả kiểm kê.

**Ví dụ:**

Ngày 30/06/2010, công ty tiến hành kiểm kê NVL tại Kho vật tư.

## Khóa luận tốt nghiệp

### Biểu số 3.2: Biên bản kiểm kê VT

Đơn vị:

Mẫu số: 05- VT

Bộ phận:

### BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

*Thời điểm kiểm kê... giờ... ngày... tháng... năm*

Ban kiểm kê gồm:

Ông/Bà ..... Chức vụ ..... Đại diện..... Trưởng ban

Ông/Bà ..... Chức vụ ..... Đại diện ..... uỷ viên

Ông/Bà ..... Chức vụ ..... Đại diện ..... uỷ viên

Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây:

S T T	Tên nhãn hiệu quy cách NVL	Mã số	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo sổ		Theo		Chênh lệch				Phẩm chất		
					kế toán		Kiểm kê		Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
					SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT			
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

*Ngày... tháng... năm...*

**Giám đốc**

(Ý kiến giải quyết số chênh lệch)

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Thủ kho**

(Ký, họ tên)

**Trưởng ban kiểm kê**

(Ký, họ tên)

***Giải pháp 3: Về kế toán hàng mua đang đi đường***

Hiện nay Công ty không phản ánh nghiệp vụ mua hàng đang đi đường mà chủ yếu đợi hàng về rồi mới ghi chép. Như vậy thông tin về hàng tồn kho của Công ty chưa được chính xác. Để khắc phục nhược điểm này Công ty nên sử dụng Tài khoản 151 “ hàng mua đang đi đường” để hạch toán.

Kết cấu tài khoản 151 như sau:

- + Bên Nợ: phản ánh giá trị hàng đi đường tăng
- + Bên Có: phản ánh giá trị hàng đi đường kỳ trước đã nhập kho hay chuyển giao cho các bộ phận sử dụng hoặc giao cho khách hàng.
- + Dư Nợ: Giá trị hàng đi đường.

*Trình tự hạch toán như sau:*

Trong tháng nếu hóa đơn về nhưng hàng chưa về thì kế toán lưu hóa đơn vào tập hồ sơ “ hàng đang đi đường”. Khi hóa đơn về hàng chưa về thì ghi sổ kế toán như sau:

Nợ TK 151;

Nợ TK 133:

Có TK 111, 112, 331..

Khi hàng về thì ghi sổ kế toán như sau:

Nợ TK 152:

Có TK 151:

***Giải pháp 4: Cần quan tâm và chú trọng tới công tác Kế toán quản trị Nguyên vật liệu.***

Trong hoạt động kinh doanh có nhiều vấn đề tài chính nảy sinh đòi hỏi Ban lãnh đạo doanh nghiệp phải đưa ra được những quyết định tài chính đúng đắn và tổ chức thực hiện các quyết định ấy một cách kịp thời khoa học, có như vậy doanh nghiệp mới đứng vững và phát triển.

Kế toán quản trị trong kế toán nguyên vật liệu sẽ giúp nhà quản trị (ban lãnh đạo công ty ) đưa các quyết định đúng đắn và kịp thời về việc mua sắm vật tư dự trữ phục vụ cho sản xuất, việc huy động các nguồn vốn ngắn hạn, việc thanh toán, chi trả hoặc thu hồi các khoản nợ đến hạn.

## **Khóa luận tốt nghiệp**

---

*Nhân viên kế toán quản trị NVL cần phải có hiểu biết về:*

Hệ thống luật pháp, chính sách tài chính, kế toán nói chung.

Định chế, quy chế tài chính nội bộ.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp.

*Đồng thời KTQT phải thực hiện các chức năng, nhiệm vụ sau:*

Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện

Kiểm tra, đánh giá

Dự toán về hoạt động, tình hình tài chính để giúp nhà quản trị đưa ra các quyết định phù hợp, hiệu quả.

Khi ban lãnh đạo công ty có nhu cầu Kế toán quản trị nắm bắt nhu cầu thông tin quản trị tiến hành thu thập, phân tích, định tính, định lượng rồi đưa ra Báo cáo chỉ tiêu quản trị cho ban lãnh đạo công ty.

***Giải pháp 5: Về quản lý sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu hạ giá thành sản phẩm:***

Hạ giá thành sản phẩm, kinh doanh có lãi luôn là mục tiêu của các doanh nghiệp hướng tới. Để hạ giá thành sản phẩm cần giảm thiểu chi phí sản xuất bỏ ra một cách hợp lý : giảm chi phí nhưng vẫn phải đảm bảo đúng tiến độ sản xuất, chất lượng sản phẩm sản xuất ra để đảm bảo được điều này, Công ty nên :

- Thường xuyên có biện pháp chỉ đạo sát sao công tác thu hồi vật tư, thiết bị không cần dùng để tái chế phục hồi, sau đó lại đưa vào phục vụ sản xuất để giảm thiểu chi phí đầu vào.

- Có chế độ kỷ luật, khen thưởng thích đáng đối với những các nhân, tập thể sử dụng tiết kiệm hay lãng phí nguyên vật liệu.

- Giảm bớt mức hao phí trong công tác thu mua, vận chuyển, bảo quản và sử dụng vật liệu. Không để vật liệu hao hụt, mất mát hoặc xuống cấp.

- Bên cạnh những bạn hàng hiện tại , Công ty nên tìm kiếm thêm những nguồn cung cấp khác để có được khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, khi cần là có thể mua NVL, tránh việc phải tồn kho nhiều gây ứ đọng vốn sản xuất và hiện tượng nhà cung cấp độc quyền.

Bằng những việc là như vậy, Công ty sẽ giảm thiểu được chi phí đầu vào



## **Khóa luận tốt nghiệp**

---

của nguyên vật liệu, dẫn đến giá thành sản phẩm hạ và kinh doanh sẽ có lời. Tên cơ sở này Công ty còn có khả năng tiên hành mở rộng quy mô sản xuất – yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của Công ty trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

### ***Giải pháp 6: Nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ, nhân viên phòng kế toán Công ty:***

Để nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh ngoài việc tìm kiếm và mở rộng thị trường thì xí nghiệp cũng phải quan tâm đến các vấn đề nhân sự:

Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiến thức cho cán bộ công nhân viên đặc biệt là trình độ tin học và các chuẩn mực kế toán mới.

Thường xuyên kiểm tra sổ sách, đối chiếu số liệu nhằm phát hiện sai sót để chấn chỉnh kịp thời.

Phát huy, tận dụng hết khả năng sử dụng máy vi tính mà công ty trang bị nhằm tổng hợp số liệu khoa học, rõ ràng.

Tăng cường theo dõi, kiểm tra cán bộ công nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình thông qua việc thường xuyên theo dõi bảng chấm công của từng phòng ban.

Tổ chức giờ làm việc một cách khoa học, ổn định công tác phân công nhiệm vụ cụ thể nhằm chuyên môn hoá công tác kế toán, tăng hiệu quả công việc.

Có chính sách khen thưởng với các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công việc. Có chế độ thưởng phạt rõ ràng để khuyến khích tinh thần làm việc.

### **3.4 Điều kiện để thực hiện các giải pháp:**

#### **3.4.1 Đối với nhà nước.**

- Xây dựng hệ thống pháp luật rõ ràng, đầy đủ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nói chung và công ty nói riêng hoạt động dễ dàng hiệu quả đúng với hành lang pháp lý

- Trước sự hội nhập của nền kinh tế thị trường sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài nhà nước nên có

những chính sách ưu đãi như: chính sách thuế thu nhập, hỗ trợ công ty trong quá trình huy động vốn.

### **3.4.2 Đối với công ty**

- Thực hiện tốt các chỉ tiêu tài chính năm 2010 quản lý và sử dụng tiền vốn, thực hiện tiết kiệm chống lãng phí. Triệt để cắt giảm mọi chi phí không cần thiết, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính. Có biện pháp tích cực thu hồi công nợ, nắm bắt khả năng thanh toán của các đơn vị khách hàng để ngăn ngừa các hiện tượng thất thoát vật tư, tiền vốn để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Phân đầu tìm kiếm những hợp đồng kinh tế mới nhằm đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.

- Chủ động chuẩn bị về mặt tài chính để đầu tư vào máy móc thiết bị mở rộng quy mô. Tăng cường bồi dưỡng đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn của công nhân đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

- Xây dựng quy chế thưởng phạt nghiêm chỉnh để kích thích người lao động để tăng năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Phát huy quyền làm chủ của cán bộ công nhân viên- người lao động đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp với người lao động

### **3.4.3. Điều kiện khác**

- Địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động phải tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiến hành sản xuất kinh doanh.

- Các tổ chức hiệp hội nghề nghiệp tăng cường giúp đỡ doanh nghiệp hướng dẫn truyền tải những quy định thông tư của bộ tài chính tới doanh nghiệp nội cách kịp thời để doanh nghiệp hoạt động đúng pháp luật.

- Các tổ chức tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp về mặt tài chính giúp doanh nghiệp tiến hành sản xuất kinh doanh kịp thời, hiệu quả.

**KẾT LUẬN**

Kế toán nguyên vật liệu có vai trò vô cùng quan trọng trong các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp sản xuất nói riêng. Công việc này không mấy dễ dàng, nó phải có sự phối hợp giữa nhiều bộ phận như phòng kế toán, các kế toán phân xưởng và các kho ... Tầm quan trọng của kế toán thể hiện ở chỗ nó là một bộ phận không thể thiếu trong toàn bộ công tác kế toán, cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết cho việc lập kế hoạch thu mua nguyên vật liệu. Việc hoàn thiện công tác kế toán là cần thiết cho mỗi doanh nghiệp. Nó sẽ tạo cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả, đồng thời nó có thể giúp doanh nghiệp quản lý tốt hơn hoạt động chủ yếu của mình đảm bảo làm ăn có lãi, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, với người lao động và nâng cao đời sống công nhân viên.

Trong thời gian thực tập ở công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong em đã học hỏi được rất nhiều kinh nghiệm của việc hạch toán kế toán từ các cô bác, anh chị, từ những thế hệ đi trước em thấy mình cần phải học hỏi nhiều hơn nữa để tích lũy những kiến thức cần thiết cho công việc sau này của mình.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình của Thầy PGS – TS Thịnh Văn Vinh và sự quan tâm giúp đỡ tận tình của cô bác anh chị kế toán trong công ty đã giúp em hoàn thành báo cáo này. Em rất mong các thầy cô cùng các bạn đóng góp ý kiến để bản báo cáo của em được hoàn chỉnh hơn và đạt kết quả tốt.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

*Hải Phòng, ngày 20 tháng 6 năm 2011*

Sinh viên:

Trịnh Thị Lan Anh

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chế độ kế toán Doanh nghiệp - Quyển 1 : Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản Tài chính năm 2006.
2. Chế độ kế toán Doanh nghiệp - Quyển 2 : Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán – Nhà xuất bản Tài chính năm 2006.
3. Tài liệu thực tế của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong.
4. Giáo trình các môn: Phân tích hoạt động kinh tế ; Quản trị tài chính doanh nghiệp; Kế toán quản trị.
5. Các bài khóa luận trước - Thư viện Trường ĐHDL Hải Phòng

**MỤC LỤC**

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Sự cần thiết của đề tài. ....	7
2. Mục đích nghiên cứu. ....	8
3. Đối tượng nghiên cứu. ....	8
4. Phương pháp nghiên cứu. ....	9
5. Nội dung kết cấu. ....	9
<b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP</b> .....	10
1.1 Những vấn đề chung về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp: .....	10
1.1.1 Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu. ....	10
1.1.1.1. Khái niệm: .....	10
1.1.1.2. Đặc điểm: .....	10
1.1.2. Vị trí, vai trò của nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh. ....	10
1.1.3. Yêu cầu của công tác quản lý NVL trong doanh nghiệp. ....	11
1.1.4. Nhiệm vụ, thủ tục quản lý nhập - xuất kho nguyên vật liệu và các chứng từ kế toán liên quan. ....	12
1.1.4.1. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu: .....	12
1.1.4.2. Thủ tục quản lý nhập - xuất kho nguyên vật liệu và các chứng từ kế toán liên quan: .....	12
1.1.5. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu : .....	14
1.1.5.1. Phân loại nguyên vật liệu : .....	14
1.1.5.2. Đánh giá nguyên vật liệu: .....	15
1.2. Hạch toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp: .....	20
1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu: .....	20
1.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp: .....	23
1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương kê khai thường xuyên .....	23
1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	26
1.2.3. Hình thức tổ chức sổ kế toán:.....	27
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN</b>	

<b>TIỀN PHONG</b> .....	31
2.1.Đặc điểm chung ở công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong. ....	31
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển. ....	31
2.1.2 Đặc điểm sản phẩm .....	32
2.1.3 Thuận lợi, khó khăn và những thành tích phương hướng phát triển. ....	32
2.1.3.1 Những thuận lợi của Công ty .....	32
2.1.3.2 Những khó khăn của Công ty.....	33
2.1.3.3 Những thành tích đạt được.....	33
2.1.4 Đặc điểm tổ chức quản lý của Công ty .....	34
2.1.5. Đặc điểm tổ chức kế toán tại Công ty.....	37
2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán .....	37
2.1.5.2 .Hình thức kế toán. ....	38
2.1.5.3. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong.....	39
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong. ....	40
2.2.1. Khái quát chung về nguyên vật liệu tại công ty:.....	40
2.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu.....	40
2.2.2.1 Giá thực tế của vật liệu nhập kho.....	41
2.2.2.2 Giá thực tế của vật liệu xuất kho.....	41
2.2.3. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong.....	43
2.2.3.1. Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu:.....	43
2.2.3.2 Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu:.....	48
2.2.4.Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong. ....	51
2.3.Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong.....	56
2.3.1.Tài khoản và sổ sách sử dụng: .....	56
2.3.1.1: Tài khoản sử dụng:.....	56
2.3.1.2. Sổ sách sử dụng.....	56
2.3.2. Quy trình hạch toán:.....	57

## **Khóa luận tốt nghiệp**

2.3.3. Kế toán tổng hợp Nhập nguyên vật liệu: .....	58
2.3.3.1. Trường hợp mua ngoài chưa thanh toán: .....	58
2.3.3.2. Trường hợp mua bằng tiền mặt: .....	64
2.3.3.3 Trường hợp mua bằng tiền gửi ngân hàng: .....	66
2.3.3.4. Trường hợp mua bằng tiền tạm ứng:.....	70
2.3.4. Kế toán tổng hợp Xuất nguyên vật liệu: .....	70
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC ..</b>	<b>77</b>
<b>CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU Ở CÔNG TY CỔ PHẦN</b>	
<b>NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG .....</b>	<b>77</b>
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong : .....	77
3.1.1. Ưu điểm : .....	77
3.1.2. Những tồn tại:.....	80
3.1.3 Nguyên nhân của những tồn tại .....	80
3.2. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn hiện.....	81
3.2.1. Yêu cầu hoàn thiện. ....	81
3.2.2 Nguyên tắc hoàn thiện.....	81
3.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ Phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong.....	82
3.3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu : .....	82
3.3.2. Một số giải pháp đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong .....	83
3.4 Điều kiện để thực hiện các giải pháp: .....	89
3.4.1 Đối với nhà nước.....	89
3.4.2 Đối với công ty .....	90
3.4.3. Điều kiện khác.....	90
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>91</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>92</b>